

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

LỚP 10A4

NĂM HỌC: 2024-2025

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
THPT CHU VĂN AN

Xã (phường, thị trấn): Thị trấn Cần Đức

Huyện (quận, TX, TP thuộc tỉnh): Huyện Cần Đức

Tỉnh(thành phố): Tỉnh Long An

Lớp 10A4 Năm học: 2024-2025

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hữu Tân

Hiệu trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

1. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) được quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
2. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) do nhà trường quản lý và sử dụng.
3. Giáo viên môn học trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) đầy đủ các thông tin cần thiết của môn học do giáo viên phụ trách, khớp với các thông tin trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học. Trường hợp có nhiều giáo viên cùng tham gia dạy học thì các giáo viên môn học cùng kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học.

Giáo viên chủ nhiệm trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) những thông tin thuộc nhiệm vụ quy định cho giáo viên chủ nhiệm lớp.

4. Không ghi bằng mực đỏ (trừ trường hợp sửa chữa), các loại mực có thể tẩy xóa được; việc ghi Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) phải cập nhật đúng tiến độ thời gian theo kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn và bảo quản, giữ gìn cẩn thận, sạch sẽ.
5. Khi sửa chữa dùng bút đỏ gạch ngang nội dung cũ, ghi nội dung mới vào phía trên bên phải vị trí ghi nội dung cũ, ký xác nhận về sự sửa chữa ở ngay cạnh hoặc ở cột Ghi chú.
6. Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học chỉ cung cấp các thông tin về kết quả rèn luyện và học tập của học sinh trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) cho riêng từng học sinh hoặc cha mẹ học sinh.

SƠ YẾU LÝ LỊCH HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Nam/ Nữ	Đối tượng ưu tiên	Địa chỉ gia đình
1	Phạm Phúc An	16/02/2009	Bệnh viện Từ Dũ	Kinh	Nam		Ấp Rạch Bọng xã Tân Lân huyện Cần Đức
2	Phan Gia Bảo	09/12/2009	Tỉnh Long An	Kinh	Nam		Ấp Đông Nhứt, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
3	Phan Thành Bảo	03/02/2009	Long An	Kinh	Nam		ấp 4, Phước Đông, Cần Đức, Long An
4	Hồ Quốc Bình	21/09/2009	Bệnh viện Từ Dũ - TP. HCM	Kinh	Nam		Ấp Đông Trung - Tân Chánh - Cần Đức - Long An
5	Nguyễn Thành Công	30/06/2009	Bệnh viện Đa khoa Cần Đức	Kinh	Nam		Ấp 1 xã Phước Đông huyện Cần Đức tỉnh Long An
6	Bùi Quốc Dũng	02/10/2009	Bệnh viện ĐH Y dược TPHCM	Kinh	Nam		ấp Xóm Mới, Tân Lân, Cần Đức, Long An
7	Lê Thị Thanh Đào	03/12/2009	bệnh viện Cần Đức	Kinh	Nữ		280 khu 4 thị trấn Cần Đức huyện Cần Đức
8	Huỳnh Bảo Đạt	27/02/2009	Bệnh Viện Đa khoa Long An	Kinh	Nam		Ấp 2 xã Phước Đông huyện Cần Đức tỉnh Long An
9	Nguyễn Thành Đạt	18/09/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Đông Nhứt, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
10	Vân Thành Đạt	08/04/2009	Thành Phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Hòa Quới - Xã Tân Chánh - Huyện Cần Đức - Tỉnh Long An
11	Trần Thị Hồng Gấm	10/12/2009	Tỉnh Long An	Kinh	Nữ		ấp Cầu Láng xã Mỹ Lệ huyện Cần Đức tỉnh Long An
12	Lê Gia Hân	08/09/2009	Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Khu 1A, Thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	03/09/2009	BV Từ Dũ-Tp.Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		5 xã Phước đông huyện Cần Đức tỉnh Long An
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	28/12/2009	Cần Đức, Long An	Kinh	Nữ		Khu 7B, thị trấn Cần Đức, huyện Cần Đức , tỉnh Long An
15	Nguyễn Minh Hậu	02/10/2009	Bệnh viện Hùng Vương	Kinh	Nam		khu 1B, TTCD, Cần Đức, Long An
16	Trương Lê Xuân Hoa	17/11/2009	Tỉnh Long An	Kinh	Nữ		Ấp Đông Trung, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
17	Đoàn Mai Hoàng	18/12/2009	Long An	Kinh	Nam		Ấp 7, Tân Ân, Cần Đức, Long An
18	Nguyễn Võ Đan Huy	02/04/2009	Bệnh viện Từ Dũ-TpHCM	Kinh	Nam		395 khu 2 thị trấn Cần Đức huyện Cần Đức,Long An
19	Bùi Nhật Huy	19/10/2009	Bệnh viện Từ Dũ, TP.Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		khu 3, TTCD, Cần Đức, Long An
20	Huỳnh Văn Huy	26/10/2009	Bệnh viện Cần Đức	Kinh	Nam		Ấp Bình Hòa xã Tân Lân huyện Cần Đức
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	23/10/2009	bệnh viện Hùng Vương	Kinh	Nam		ấp 6 xã Phước đông huyện Cần Đức tỉnh Long An
22	Huỳnh Nhật Khánh	14/01/2009	Bệnh viện Đa khoa Cần Đức - Long An	Kinh	Nam		Ấp Đông Trung - Tân Chánh - Cần Đức - Long An
23	Lê Đăng Khoa	17/02/2009	Bệnh viên đa Khoa Cần Đức- Long An	Kinh	Nam		Ấp Hòa quới - Tân Chánh - Cần Đức - Long An
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	29/09/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Hòa Quới, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
25	Nguyễn Thị Thúy Kiều	08/12/2009	Thị xã Gò Công, Tiền Giang	Kinh	Nữ		Ấp 2,Xã Phước Tuy,Huyện Cần Đức,Tỉnh Long An
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	20/01/2009	Long An	Kinh	Nữ		khu 1B,Thị trấn Cần Đức,Huyện Cần Đức,Tỉnh Long An
27	Phạm Minh Nhân	04/01/2008	Tiền Giang	Kinh	Nam		Ấp Đình, Tân Chánh, Cần Đức, Long An
28	Nguyễn Trọng Nhân	13/11/2009	Bệnh viên Đa Khoa khu vực Gò Công	Kinh	Nam		ấp 6, xã Phước Đông huyện Cần Đức, tỉnh Long An
29	Trần Thị Cẩm Nhung	02/07/2009	Trung tâm y tế huyện Cần Đức	Kinh	Nữ		ấp 2 xã Phước Đông huyện Cần đức tỉnh Long An
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	04/09/2009	BV Đa Khoa huyện Cần Đức tỉnh Long An	Kinh	Nữ		ấp 3, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
31	Trương Huỳnh Như	25/09/2009	Bệnh viện Hùng Vương (TP. Hồ Chí Minh)	Kinh	Nữ		Ấp 3, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
32	Vô Minh Nhựt	13/12/2009	Bệnh viện Hùng Vương, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 6, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
33	Lương Thành Phong	06/10/2009	Bệnh viện Đa khoa Cần Đức - Long An	Kinh	Nam		Ấp Đông Trung - Tân Chánh - Cần Đức - Long An
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	03/03/2009	BV Từ Dũ-Tp.Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		ấp 5, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
35	Nguyễn Hoàng Sơn	29/11/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Đông Trung, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
36	Nguyễn Văn Thanh	17/09/2009	TP Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Khu 4, TTCD, Cần Đức, Long An
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận	13/08/2009	Bệnh viện Huyện Cần Đức, huyện Cần Đức, tỉnh Long	Kinh	Nam		Ấp Cầu Xây xã Tân Lân huyện Cần Đức, Long An
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	06/08/2009	BV Nhân Dân Gia Định	Kinh	Nữ		ấp 4, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
39	Nguyễn Thị Kim Thử	24/09/2009	Bệnh viện Từ Dũ (TP. Hồ Chí Minh)	Kinh	Nữ		Ấp 4, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
40	Lê Thị Bích Tiên	29/04/2009	Bệnh viện đa khoa Cần Đức - Long An	Kinh	Nữ		Ấp Đông Nhi, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
41	Vô Thị Huyền Trang	26/11/2009	Tỉnh Long An	Kinh	Nữ		Ấp Đông Trung - Xã Tân Chánh - Huyện Cần Đức - Tỉnh Long An
42	Đình Thái Tú	07/12/2009	Trung tâm Y tế Cần Đức	Kinh	Nam		ấp 6, Phước Tuy, Cần Đức, Long An
43	Nguyễn Tấn Vàng	31/08/2009	bệnh viện Hùng Vương	Kinh	Nam		ấp 4 xã Phước đông huyện Cần Đức tỉnh Long An
44	Nguyễn Ngọc An Viên	17/08/2009	Bệnh viện Hùng Vương - TP. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Ao Gòn Xã Tân Lân Huyện Cần Đức, Long An
45	Nguyễn Thị Trí Vy	23/12/2009	Huyện Cần Đức, Long An	Kinh	Nữ		khu 3, TTCD, Cần Đức, Long An

Số TT	Họ và tên cha, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Họ và tên mẹ, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Những thay đổi cần chú ý trong năm học (gia đình, sức khỏe, nơi ở ...)
1	Phạm Công Chưa - Bảo vệ	Đào Thị Hồng Duyên - Nội trợ	
2	Phan Thành Biển -	Nguyễn Thị Kim Loan -	
3	Phan Thành Hưng - Đi ghe	Ngô Thị Tài - May	
4	Hồ Quốc Đức -	Lê Thị Kim Anh -	
5	Nguyễn Thành Trung - Sửa xe	Huỳnh Thị Sậm - Thợ nấu	
6	Bùi Ngọc Định - Công nhân	Lê Thị Mười - Công nhân	
7	Lê Thanh Trúc - Công nhân	Lê Thị Vàng - Công nhân	
8	Huỳnh Vũ Bằng - Tài xế	Châu Thị Kim Anh - Công Nhân	
9	Nguyễn ThanhXuân -	Nguyễn Thị Thỳ linh - Công nhân	
10	Văn công minh -	Nguyễn Thị Hằng -	
11		Nguyễn Thị Ngọc Lan - Làm Ruộng	
12	Huỳnh Bảo Trọng - Kế toán	Lê Kim Ngọc - Nhân viên văn phòng	
13	Nguyễn Thái Khương - Công Nhân	Lữ Thị Liên - Công Nhân	
14	Nguyễn Đức Lợi - Công nhân	Trần Thị Ngọc Bích - Công nhân	
15	Nguyễn Minh Cường - Sửa xe	Nguyễn Thị Ni - Thợ tóc	
16	Trương Văn Khanh -	Lê Thị Diệu -	
17	Đoàn Minh Nhật -	Mai Mộng Thuý -	
18	Nguyễn Thành Sơn - Công nhân	Võ Thụy Kim Ngân - Công nhân	
19	Bùi Ngọc Du - Tài xế	Lưu Thị Ngọc Phượng - Nội trợ	
20	Huỳnh Văn Quan - Lao động tự do	Neàng Kim Linh - Bò đi từ nhỏ	
21	Nguyễn Chánh Hoàng Hải - Làm ruộng	Bùi Thị Lệ Quyền - Công nhân	
22	Huỳnh Trương Thương Tín -	Bùi Thị Cẩm Thu -	
23	Lê Văn Doan -	Văn Thị Hoàng Phi Yến -	
24	Nguyễn Văn Dưỡng -	Ngô Thị Bé Thuý -	
25	Nguyễn Văn Bón - Nông dân	Nguyễn Thị Năm - Nông dân	
26	Nguyễn Tấn Dũng - Buôn bán	Nguyễn Thu Hiền - Buôn bán	
27	Nguyễn Minh Vũ - Cơ khí	Nguyễn Thị Nguyệt Hồ - Nông dân	
28	Nguyễn Trọng Nghĩa - Công nhân	Nguyễn Thị Kim Tuyền - Công nhân	
29	Trần Chí Cường - làm ruộng	Lê Thị Ngoan - làm ruộng	
30	Bùi Văn Đắc - Sửa xe	Lê Thị Bích Tuyền - Nội trợ	
31	Trương Văn An - Công nhân	Tổng Thị Vân - Nội trợ	
32	Võ Văn Phúc - Công nhân	Đỗ Thị Kim Ngọc - Công nhân	
33	Lương Thành Tính -	Nguyễn Thị Thùy Trang -	
34	Phạm Văn Lợi - Thợ hồ	Trần Thị Hoàng Ân - Công nhân	
35	Nguyễn Văn Ngọc Thành -	Huỳnh Thị Bích Liễu -	
36	Nguyễn Văn Hiếu - Hót tóc	Võ Thị Thùy - Buôn bán	
37	Nguyễn Nhứt Luân - Chủ tịch xã	Nguyễn Thị Thiếp - Thợ may	
38	Bùi Văn Tám - Tài xế	Nguyễn Thị Thùy Linh - Công nhân	
39	Nguyễn Công Tước - Buôn bán	Châu Yến Ngọc - Buôn bán	
40	Lê Ngọc Phước -	Lê Thị Bích Trang -	
41	Võ Văn Luân -	Đoàn Thị Lệ Hằng -	
42	Đinh Ngọc Hùng - Làm ruộng	Bùi Ngọc Phượng - Công nhân	
43	Nguyễn Thành Trung - thợ cần	Trương Bích Tuyền - Buôn bán	
44	Nguyễn Đức Quốc - Tài xế	Nguyễn Thị Thu Hương - Thợ may	
45	Nguyễn Văn Tân - Làm Hồ	Nguyễn Thị Huyền Mai - thợ nấu	

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2		TS	P	K
1	Phạm Phúc An																																	0	0	0
2	Phan Gia Bảo																																	0	0	0
3	Phan Thành Bảo																																	0	0	0
4	Hồ Quốc Bình																																	0	0	0
5	Nguyễn Thành Công																																	0	0	0
6	Bùi Quốc Dũng																																	0	0	0
7	Lê Thị Thanh Đào																																	0	0	0
8	Huỳnh Bảo Đạt																																	0	0	0
9	Nguyễn Thành Đạt																																	0	0	0
10	Văn Thành Đạt																																	0	0	0
11	Trần Thị Hồng Gấm																																	0	0	0
12	Lê Gia Hân																																	0	0	0
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
15	Nguyễn Minh Hậu																																	0	0	0
16	Trương Lê Xuân Hoa																													P			1	1	0	
17	Đoàn Mai Hoàng																																	0	0	0
18	Nguyễn Võ Đan Huy																																	0	0	0
19	Bùi Nhật Huy																																	0	0	0
20	Huỳnh Văn Huy																								P	P							2	2	0	
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang																																	0	0	0
22	Huỳnh Nhật Khánh																																	0	0	0
23	Lê Đăng Khoa																																	0	0	0
24	Nguyễn Tuấn Kiệt																																	0	0	0
25	Nguyễn Thị Thúy Kiều																																	0	0	0
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh																																	0	0	0
27	Phạm Minh Nhân																			P			P										2	2	0	
28	Nguyễn Trọng Nhân																			P													1	1	0	
29	Trần Thị Cẩm Nhung																			P			P										2	2	0	
30	Bùi Thị Ngọc Nhung																																	0	0	0
31	Trương Huỳnh Như																																	0	0	0
32	Võ Minh Nhựt																																	0	0	0
33	Lương Thành Phong																																	0	0	0
34	Phạm Châu Hoàng Phúc																					P											1	1	0	
35	Nguyễn Hoàng Sơn																																	0	0	0
36	Nguyễn Văn Thanh																																	0	0	0
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận																																	0	0	0
38	Bùi Nguyễn Minh Thư																																	0	0	0
39	Nguyễn Thị Kim Thử																																	0	0	0
40	Lê Thị Bích Tiền																																	0	0	0
41	Võ Thị Huyền Trang																			P			P										2	2	0	
42	Đinh Thái Tú																																	0	0	0
43	Nguyễn Tấn Vàng																																	0	0	0
44	Nguyễn Ngọc An Viên																																	0	0	0
45	Nguyễn Thị Trí Vy																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	1	0	3	0	1	1	0	0	0	1	0	0		11	11	0

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Nguyễn Hữu Tân	Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7		TS	P	K
1	Phạm Phúc An					P																												1	1	0
2	Phan Gia Bảo																																	0	0	0
3	Phan Thành Bảo								P																									1	1	0
4	Hồ Quốc Bình																																	0	0	0
5	Nguyễn Thành Công																																	0	0	0
6	Bùi Quốc Dũng																																	0	0	0
7	Lê Thị Thanh Đào																																	0	0	0
8	Huỳnh Bảo Đạt																																	0	0	0
9	Nguyễn Thành Đạt																																	0	0	0
10	Văn Thành Đạt																																	0	0	0
11	Trần Thị Hồng Gấm																					P											1	1	0	
12	Lê Gia Hân																																	0	0	0
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
15	Nguyễn Minh Hậu																																	0	0	0
16	Trương Lê Xuân Hoa																																	0	0	0
17	Đoàn Mai Hoàng																																	0	0	0
18	Nguyễn Võ Đan Huy																																	0	0	0
19	Bùi Nhật Huy																					P											1	1	0	
20	Huỳnh Văn Huy																											P						1	1	0
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang																																	0	0	0
22	Huỳnh Nhật Khánh																																	0	0	0
23	Lê Đăng Khoa																P																1	1	0	
24	Nguyễn Tuấn Kiệt																														P		1	1	0	
25	Nguyễn Thị Thúy Kiều																														P		1	1	0	
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh																																	0	0	0
27	Phạm Minh Nhân					P									P																		2	2	0	
28	Nguyễn Trọng Nhân																																	0	0	0
29	Trần Thị Cẩm Nhung																																	0	0	0
30	Bùi Thị Ngọc Nhung																																	0	0	0
31	Trương Huỳnh Như																																	0	0	0
32	Võ Minh Nhựt																																	0	0	0
33	Lương Thành Phong																																	0	0	0
34	Phạm Châu Hoàng Phúc																																	0	0	0
35	Nguyễn Hoàng Sơn																																	0	0	0
36	Nguyễn Văn Thanh																																	0	0	0
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận																																	0	0	0
38	Bùi Nguyễn Minh Thư																																	0	0	0
39	Nguyễn Thị Kim Thử																				P												1	1	0	
40	Lê Thị Bích Tiền																																	0	0	0
41	Võ Thị Huyền Trang																																	0	0	0
42	Đinh Thái Tú																											P						1	1	0
43	Nguyễn Tấn Vàng																																	0	0	0
44	Nguyễn Ngọc An Viên																																	0	0	0
45	Nguyễn Thị Trí Vy																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	2	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	1	0	2	0	0	0	0	2	0	0	1	1		12	12	0

Ti lệ:

có phép: 100.00%
không phép: 0.00%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hữu Tân

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	TS	P	K
1	Phạm Phúc An					P																												1	1	0
2	Phan Gia Bảo																																	0	0	0
3	Phan Thành Bảo																																	0	0	0
4	Hồ Quốc Bình																																	0	0	0
5	Nguyễn Thành Công																																	0	0	0
6	Bùi Quốc Dũng											P	P	P																			3	3	0	
7	Lê Thị Thanh Đào																																	0	0	0
8	Huỳnh Bảo Đạt																																	0	0	0
9	Nguyễn Thành Đạt																																	0	0	0
10	Văn Thành Đạt																																	0	0	0
11	Trần Thị Hồng Gấm																																	0	0	0
12	Lê Gia Hân																																	0	0	0
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân												P																				1	1	0	
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
15	Nguyễn Minh Hậu				P																													1	1	0
16	Trương Lê Xuân Hoa																																	0	0	0
17	Đoàn Mai Hoàng																																	0	0	0
18	Nguyễn Võ Đan Huy																																	0	0	0
19	Bùi Nhật Huy						P																											1	1	0
20	Huỳnh Văn Huy												P																					1	1	0
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang				P																													1	1	0
22	Huỳnh Nhật Khánh													P																				1	1	0
23	Lê Đăng Khoa																																	0	0	0
24	Nguyễn Tuấn Kiệt																																	0	0	0
25	Nguyễn Thị Thúy Kiều				P																													1	1	0
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh				P																													1	1	0
27	Phạm Minh Nhân														P																			1	1	0
28	Nguyễn Trọng Nhân																																	0	0	0
29	Trần Thị Cẩm Nhung																																	0	0	0
30	Bùi Thị Ngọc Nhung																																	0	0	0
31	Trương Huỳnh Như														P																			1	1	0
32	Võ Minh Nhựt																																	0	0	0
33	Lương Thành Phong																																	0	0	0
34	Phạm Châu Hoàng Phúc																																	0	0	0
35	Nguyễn Hoàng Sơn																																	0	0	0
36	Nguyễn Văn Thanh				P																													1	1	0
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận																			P														1	1	0
38	Bùi Nguyễn Minh Thư																																	0	0	0
39	Nguyễn Thị Kim Thử																		P															1	1	0
40	Lê Thị Bích Tiền																																	0	0	0
41	Võ Thị Huyền Trang				P																													1	1	0
42	Đinh Thái Tú																																	0	0	0
43	Nguyễn Tấn Vàng																																	0	0	0
44	Nguyễn Ngọc An Viên																																	0	0	0
45	Nguyễn Thị Trí Vy																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	2	4	1	1	0	0	0	1	3	2	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	18	18	0

Ti lệ:

có phép: 100.00%
không phép: 0.00%

Giáo viên chủ nhiệm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hữu Tân

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	TS	P	K
1	Phạm Phúc An																																	0	0	0
2	Phan Gia Bảo																																	0	0	0
3	Phan Thành Bảo																																	0	0	0
4	Hồ Quốc Bình																																	0	0	0
5	Nguyễn Thành Công																																	0	0	0
6	Bùi Quốc Dũng																																	0	0	0
7	Lê Thị Thanh Đào																						P											1	1	0
8	Huỳnh Bảo Đạt																																	0	0	0
9	Nguyễn Thành Đạt																																	0	0	0
10	Văn Thành Đạt																																	0	0	0
11	Trần Thị Hồng Gấm																																	0	0	0
12	Lê Gia Hân																																	0	0	0
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
15	Nguyễn Minh Hậu																																	0	0	0
16	Trương Lê Xuân Hoa																																	0	0	0
17	Đoàn Mai Hoàng																																	0	0	0
18	Nguyễn Võ Đan Huy																																	0	0	0
19	Bùi Nhật Huy																																	0	0	0
20	Huỳnh Văn Huy																																	0	0	0
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang																																	0	0	0
22	Huỳnh Nhật Khánh																																	0	0	0
23	Lê Đăng Khoa																																	0	0	0
24	Nguyễn Tuấn Kiệt																																	0	0	0
25	Nguyễn Thị Thúy Kiều																																	0	0	0
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh																																	0	0	0
27	Phạm Minh Nhân																								P									1	1	0
28	Nguyễn Trọng Nhân																																	0	0	0
29	Trần Thị Cẩm Nhung																																	0	0	0
30	Bùi Thị Ngọc Nhung																																	0	0	0
31	Trương Huỳnh Như																																	0	0	0
32	Võ Minh Nhựt																																	0	0	0
33	Lương Thành Phong																																	0	0	0
34	Phạm Châu Hoàng Phúc																																	0	0	0
35	Nguyễn Hoàng Sơn																																	0	0	0
36	Nguyễn Văn Thanh																																	0	0	0
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận																																	0	0	0
38	Bùi Nguyễn Minh Thư																																	0	0	0
39	Nguyễn Thị Kim Thử																																	0	0	0
40	Lê Thị Bích Tiền																																	0	0	0
41	Võ Thị Huyền Trang																								P									1	1	0
42	Đinh Thái Tú																																	0	0	0
43	Nguyễn Tấn Vàng																																	0	0	0
44	Nguyễn Ngọc An Viên																																	0	0	0
45	Nguyễn Thị Trí Vy																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3	0

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6				TS	P	K
1	Phạm Phúc An																																	0	0	0
2	Phan Gia Bảo																																	0	0	0
3	Phan Thành Bảo																																	0	0	0
4	Hồ Quốc Bình																																	0	0	0
5	Nguyễn Thành Công											P	P																				2	2	0	
6	Bùi Quốc Dũng																																	0	0	0
7	Lê Thị Thanh Đào																																	0	0	0
8	Huỳnh Bảo Đạt																																	0	0	0
9	Nguyễn Thành Đạt																																	0	0	0
10	Văn Thành Đạt																																	0	0	0
11	Trần Thị Hồng Gấm				P																												1	1	0	
12	Lê Gia Hân																																	0	0	0
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân				P																												1	1	0	
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
15	Nguyễn Minh Hậu																																	0	0	0
16	Trương Lê Xuân Hoa																																	0	0	0
17	Đoàn Mai Hoàng																																	0	0	0
18	Nguyễn Võ Đan Huy																																	0	0	0
19	Bùi Nhật Huy																																	0	0	0
20	Huỳnh Văn Huy				P								P																				2	2	0	
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang																																	0	0	0
22	Huỳnh Nhật Khánh																																	0	0	0
23	Lê Đăng Khoa				P																												1	1	0	
24	Nguyễn Tuấn Kiệt																	P	P														2	2	0	
25	Nguyễn Thị Thúy Kiều																																	0	0	0
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh																																	0	0	0
27	Phạm Minh Nhân												P																				1	1	0	
28	Nguyễn Trọng Nhân																																	0	0	0
29	Trần Thị Cẩm Nhung																																	0	0	0
30	Bùi Thị Ngọc Nhung																																	0	0	0
31	Trương Huỳnh Như																																	0	0	0
32	Võ Minh Nhựt																																	0	0	0
33	Lương Thành Phong																																	0	0	0
34	Phạm Châu Hoàng Phúc																																	0	0	0
35	Nguyễn Hoàng Sơn																																	0	0	0
36	Nguyễn Văn Thanh																																	0	0	0
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận				P																												1	1	0	
38	Bùi Nguyễn Minh Thư																																	0	0	0
39	Nguyễn Thị Kim Thư												P																				1	1	0	
40	Lê Thị Bích Tiền																																	0	0	0
41	Võ Thị Huyền Trang									P																							1	1	0	
42	Đinh Thái Tú																																	0	0	0
43	Nguyễn Tấn Vàng																																	0	0	0
44	Nguyễn Ngọc An Viên																																	0	0	0
45	Nguyễn Thị Trí Vy																																			

Ti lệ:

có phép: 100.00%
không phép: 0.00%

Giáo viên chủ nhiệm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hữu Tân

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ			
		Thứ	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	TS	P	K	
1	Phạm Phúc An		P							P																								2	2	0	
2	Phan Gia Bảo																																	0	0	0	
3	Phan Thành Bảo																																	0	0	0	
4	Hồ Quốc Bình																																	0	0	0	
5	Nguyễn Thành Công																		P								P							2	2	0	
6	Bùi Quốc Dũng																																	0	0	0	
7	Lê Thị Thanh Đào																																	0	0	0	
8	Huỳnh Bảo Đạt		P																															1	1	0	
9	Nguyễn Thành Đạt																																	0	0	0	
10	Văn Thành Đạt																																	0	0	0	
11	Trần Thị Hồng Gấm									P																								1	1	0	
12	Lê Gia Hân																																	0	0	0	
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0	
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0	
15	Nguyễn Minh Hậu																																	0	0	0	
16	Trương Lê Xuân Hoa																																	0	0	0	
17	Đoàn Mai Hoàng																																	0	0	0	
18	Nguyễn Võ Đan Huy								P																									1	1	0	
19	Bùi Nhật Huy																																	0	0	0	
20	Huỳnh Văn Huy																													P				1	1	0	
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang																																	0	0	0	
22	Huỳnh Nhật Khánh																																	0	0	0	
23	Lê Đăng Khoa																																	0	0	0	
24	Nguyễn Tuấn Kiệt																																	0	0	0	
25	Nguyễn Thị Thúy Kiều																																	0	0	0	
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh																																	0	0	0	
27	Phạm Minh Nhân				P																						P							2	2	0	
28	Nguyễn Trọng Nhân																																	0	0	0	
29	Trần Thị Cẩm Nhung																																	0	0	0	
30	Bùi Thị Ngọc Nhung																																	0	0	0	
31	Trương Huỳnh Như																																	0	0	0	
32	Võ Minh Nhựt																																	0	0	0	
33	Lương Thành Phong																																	0	0	0	
34	Phạm Châu Hoàng Phúc																																	0	0	0	
35	Nguyễn Hoàng Sơn																																	0	0	0	
36	Nguyễn Văn Thanh		P																															1	1	0	
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận																									P								1	1	0	
38	Bùi Nguyễn Minh Thư																																	0	0	0	
39	Nguyễn Thị Kim Thử		P																															1	1	0	
40	Lê Thị Bích Tiền																																	0	0	0	
41	Võ Thị Huyền Trang																																	0	0	0	
42	Đinh Thái Tú																																	0	0	0	
43	Nguyễn Tấn Vàng																																	0	0	0	
44	Nguyễn Ngọc An Viên																																	0	0	0	
45	Nguyễn Thị Trí Vy																																	0	0	0	
	Tổng số		4	0	1	0	0	0	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	2	0	0	0	1	0	0	13	13	0

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4		TS	P	K
1	Phạm Phúc An																																	0	0	0
2	Phan Gia Bảo																																	0	0	0
3	Phan Thành Bảo																																	0	0	0
4	Hồ Quốc Bình																																	0	0	0
5	Nguyễn Thành Công																																	0	0	0
6	Bùi Quốc Dũng																																	0	0	0
7	Lê Thị Thanh Đào																																	0	0	0
8	Huỳnh Bảo Đạt																																	0	0	0
9	Nguyễn Thành Đạt																																	0	0	0
10	Văn Thành Đạt																																	0	0	0
11	Trần Thị Hồng Gấm																																	0	0	0
12	Lê Gia Hân																																	0	0	0
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
15	Nguyễn Minh Hậu																																	0	0	0
16	Trương Lê Xuân Hoa																																	0	0	0
17	Đoàn Mai Hoàng																																	0	0	0
18	Nguyễn Võ Đan Huy																																	0	0	0
19	Bùi Nhật Huy																																	0	0	0
20	Huỳnh Văn Huy																																	0	0	0
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang																																	0	0	0
22	Huỳnh Nhật Khánh																																	0	0	0
23	Lê Đăng Khoa																																	0	0	0
24	Nguyễn Tuấn Kiệt																																	0	0	0
25	Nguyễn Thị Thúy Kiều																																	0	0	0
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh																																	0	0	0
27	Phạm Minh Nhân																																	0	0	0
28	Nguyễn Trọng Nhân																																	0	0	0
29	Trần Thị Cẩm Nhung																																	0	0	0
30	Bùi Thị Ngọc Nhung																																	0	0	0
31	Trương Huỳnh Như																																	0	0	0
32	Võ Minh Nhựt																																	0	0	0
33	Lương Thành Phong																																	0	0	0
34	Phạm Châu Hoàng Phúc																																	0	0	0
35	Nguyễn Hoàng Sơn																																	0	0	0
36	Nguyễn Văn Thanh																																	0	0	0
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận																																	0	0	0
38	Bùi Nguyễn Minh Thư																																	0	0	0
39	Nguyễn Thị Kim Thử																																	0	0	0
40	Lê Thị Bích Tiền																																	0	0	0
41	Võ Thị Huyền Trang																																	0	0	0
42	Đinh Thái Tú																																	0	0	0
43	Nguyễn Tấn Vàng																																	0	0	0
44	Nguyễn Ngọc An Viên																																	0	0	0
45	Nguyễn Thị Trí Vy																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Tỉ lệ:

có phép: 0%
không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hữu Tân

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 0%		
không phép: 0%		
	Nguyễn Hữu Tân	Nguyễn Minh Triều

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ I

HỌC KỲ I

Toán

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐDGtx					ĐDGgk	ĐDGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Phạm Phúc An	6,0	6,0	9,0	7,0		5,3	6,0	6,3	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
2	Phan Gia Bảo	7,0	7,0	8,0	8,0		7,5	6,5	7,2	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
3	Phan Thành Bảo	5,0	7,0	8,0	7,0		5,3	5,5	6,0	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
4	Hồ Quốc Bình	10,0	10,0	9,0	10,0		9,0	10,0	9,7	Hiểu bài, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào cuộc sống.
5	Nguyễn Thành Công	7,0	9,0	9,0	8,0		6,3	5,8	7,0	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
6	Bùi Quốc Dũng	7,0	9,0	8,0	7,0		5,3	5,8	6,6	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
7	Lê Thị Thanh Đào	8,0	10,0	9,0	8,0		9,0	6,8	8,2	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
8	Huỳnh Bảo Đạt	10,0	9,0	8,0	8,0		9,0	5,5	7,7	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
9	Nguyễn Thành Đạt	3,0	5,0	8,0	7,0		5,0	5,0	5,3	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
10	Văn Thành Đạt	3,0	5,0	8,0	7,0		4,5	5,3	5,3	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
11	Trần Thị Hồng Gấm	9,0	9,0	8,0	10,0		8,5	8,5	8,7	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
12	Lê Gia Hân	3,0	9,0	8,0	9,0		5,0	8,5	7,2	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	5,0	6,0	8,0	8,0		6,3	7,5	6,9	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10,0	9,0	8,0	8,0		9,0	5,8	7,8	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
15	Nguyễn Minh Hậu	6,0	7,0	8,0	7,0		6,0	5,5	6,3	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
16	Trương Lê Xuân Hoa	8,0	10,0	8,0	9,0		7,8	9,3	8,7	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
17	Đoàn Mai Hoàng	6,0	7,0	8,0	8,0		8,0	6,0	7,0	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
18	Nguyễn Võ Đan Huy	9,0	10,0	9,0	9,0		10,0	9,5	9,5	Hiểu bài, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào cuộc sống.
19	Bùi Nhật Huy	5,0	8,0	8,0	7,0		6,5	6,0	6,6	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
20	Huỳnh Văn Huy	5,0	5,0	7,0	8,0		4,0	5,5	5,5	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	10,0	10,0	9,0	9,0		9,0	7,8	8,8	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
22	Huỳnh Nhật Khánh	5,0	5,0	8,0	7,0		8,3	6,0	6,6	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
23	Lê Đăng Khoa	3,0	6,0	7,0	7,0		3,5	5,0	5,0	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	9,0	6,0	8,0	8,0		6,8	6,3	7,1	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
25	Nguyễn Thị Thúy Kiều	7,0	8,0	8,0	8,0		7,0	6,0	7,0	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	8,0	8,0	8,0	7,0		9,8	6,3	7,7	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
27	Phạm Minh Nhân	4,0	5,0	5,0	5,0		5,0	2,5	4,1	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
28	Nguyễn Trọng Nhân	4,0	7,0	8,0	7,0		5,8	4,8	5,8	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
29	Trần Thị Cẩm Nhung	6,0	7,0	7,0	8,0		7,0	5,3	6,4	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	7,0	7,0	8,0	9,0		8,3	9,5	8,5	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
31	Trương Huỳnh Như	9,0	9,0	8,0	8,0		5,5	7,0	7,3	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
32	Võ Minh Nhựt	10,0	9,0	8,0	9,0		7,8	8,0	8,4	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
33	Lương Thành Phong	7,0	7,0	8,0	9,0		7,0	9,5	8,2	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	4,0	6,0	7,0	8,0		6,3	4,5	5,7	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
35	Nguyễn Hoàng Sơn	6,0	6,0	7,0	8,0		6,3	3,5	5,6	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
36	Nguyễn Văn Thanh	9,0	9,0	8,0	9,0		7,3	5,3	7,3	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận	6,0	5,0	7,0	8,0		4,5	4,5	5,4	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	5,0	7,0	7,0	8,0		7,0	5,5	6,4	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
39	Nguyễn Thị Kim Thử	6,0	7,0	7,0	8,0		7,5	6,5	6,9	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
40	Lê Thị Bích Tiên	5,0	7,0	8,0	7,0		5,0	5,0	5,8	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
41	Võ Thị Huyền Trang	8,0	6,0	9,0	6,0		5,3	4,0	5,7	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
42	Đinh Thái Tú	10,0	9,0	9,0	9,0		8,0	7,5	8,4	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
43	Nguyễn Tấn Vàng	9,0	7,0	8,0	8,0		9,5	5,3	7,4	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
44	Nguyễn Ngọc An Viên	7,0	5,0	7,0	9,0		8,0	7,0	7,2	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
45	Nguyễn Thị Trí Vy	8,0	9,0	9,0	8,0		7,3	7,3	7,8	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Thảo

HỌC KỲ I												
Vật lý (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú		
1	Phạm Phúc An	9,0	8,0	9,0			5,5	7,3	7,4	Tích cực trong học , cần tự tin khi trình bày kiến thức		
2	Phan Gia Bảo	10,0	8,0	9,0			7,3	6,5	7,6	Tích cực trong học , cần tự tin khi trình bày kiến thức		
3	Phan Thành Bảo	10,0	9,0	9,0			4,0	6,0	6,8	Tích cực trong học , cần tự tin khi trình bày kiến thức.		
4	Hồ Quốc Bình	10,0	9,0	9,0			6,8	7,0	7,8	Tích cực trong học , cần tự tin khi trình bày kiến thức.		
5	Nguyễn Thành Công	8,0	9,0	9,0			4,0	7,3	7,0	Tích cực trong học , cần tự tin khi trình bày kiến thức.		
6	Bùi Quốc Dũng	8,0	8,0	9,0			4,5	6,5	6,7	Tích cực trong học , cần tự tin khi trình bày kiến thức.		
7	Lê Thị Thanh Đào	9,0	9,0	10,0			7,8	8,5	8,6	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
8	Huỳnh Bảo Đạt	10,0	10,0	9,0			6,3	9,3	8,7	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
9	Nguyễn Thành Đạt	9,0	5,0	9,0			5,5	6,3	6,6	Tích cực trong học , cần tự tin khi trình bày kiến thức.		
10	Văn Thành Đạt	9,0	8,0	9,0			5,8	5,8	6,9	Tích cực trong học , cần tự tin khi trình bày kiến thức.		
11	Trần Thị Hồng Gấm	10,0	10,0	10,0			4,8	7,8	7,9	Tích cực đóng góp ý kiến trong giờ học.		
12	Lê Gia Hân	10,0	10,0	10,0			6,0	8,8	8,6	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10,0	10,0	10,0			5,5	7,3	7,9	Tích cực đóng góp ý kiến trong giờ học.		
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10,0	10,0	9,0			6,5	9,5	8,8	Tích cực đóng góp ý kiến trong giờ học.		
15	Nguyễn Minh Hậu	8,0	8,0	8,0			3,5	5,3	5,9	Tích cực trong học , cần tự tin khi trình bày kiến thức.		
16	Trương Lê Xuân Hoa	10,0	9,0	9,0			7,0	9,8	8,9	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
17	Đoàn Mai Hoàng	10,0	10,0	9,0			5,5	9,0	8,4	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
18	Nguyễn Võ Đan Huy	10,0	10,0	9,0			6,5	9,3	8,7	Tích cực đóng góp ý kiến trong giờ học.		
19	Bùi Nhật Huy	9,0	6,0	8,0			5,0	5,8	6,3	Tích cực trong học , cần tự tin khi trình bày kiến thức.		
20	Huỳnh Văn Huy	9,0	9,0	9,0			5,0	6,8	7,2	Tích cực trong học , cần tự tin khi trình bày kiến thức.		
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	10,0	10,0	9,0			7,0	8,5	8,6	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
22	Huỳnh Nhật Khánh	10,0	9,0	9,0			6,8	8,5	8,4	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
23	Lê Đăng Khoa	9,0	6,0	8,0			5,5	5,8	6,4	Tích cực trong học , cần tự tin khi trình bày kiến thức.		
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	9,0	9,0	9,0			5,5	4,0	6,3	Tích cực trong học , cần tự tin khi trình bày kiến thức.		
25	Nguyễn Thị Thủy Kiều	10,0	10,0	10,0			6,0	7,5	8,1	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	10,0	10,0	10,0			7,0	8,8	8,8	Tích cực đóng góp ý kiến trong giờ học.		
27	Phạm Minh Nhân	9,0	5,0	8,0			3,3	2,0	4,3	Cần tự tin khi trình bày kiến thức.		
28	Nguyễn Trọng Nhân	9,0	10,0	10,0			4,5	6,0	7,0	Tích cực trong học , cần tự tin khi trình bày kiến thức.		
29	Trần Thị Cẩm Nhung	9,0	7,0	10,0			4,5	7,8	7,3	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	10,0	10,0	10,0			5,0	7,8	7,9	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
31	Trương Huỳnh Như	10,0	10,0	10,0			5,3	8,3	8,2	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
32	Võ Minh Nhựt	9,0	10,0	9,0			6,0	7,3	7,7	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
33	Lương Thành Phong	8,0	8,0	9,0			7,0	8,0	7,9	Tích cực đóng góp ý kiến trong giờ học.		
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	9,0	10,0	9,0			4,8	7,0	7,3	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
35	Nguyễn Hoàng Sơn	9,0	9,0	9,0			6,0	3,5	6,2	Tích cực trong học , cần tự tin khi trình bày kiến thức.		
36	Nguyễn Văn Thanh	9,0	10,0	9,0			5,0	5,5	6,8	Tích cực trong học , cần tự tin khi trình bày kiến thức.		
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận	9,0	8,0	9,0			4,3	5,3	6,3	Tích cực trong học , cần tự tin khi trình bày kiến thức.		
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	10,0	9,0	10,0			5,0	7,5	7,7	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
39	Nguyễn Thị Kim Thử	10,0	10,0	10,0			7,0	6,3	7,9	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
40	Lê Thị Bích Tiên	10,0	9,0	10,0			6,8	7,3	8,1	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
41	Võ Thị Huyền Trang	9,0	8,0	10,0			4,5	5,5	6,6	Tích cực trong học , cần tự tin khi trình bày kiến thức.		
42	Đinh Thái Tú	10,0	10,0	9,0			7,0	10,0	9,1	Tích cực đóng góp ý kiến trong giờ học.		
43	Nguyễn Tấn Văng	10,0	9,0	9,0			7,0	8,5	8,4	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
44	Nguyễn Ngọc An Viên	9,0	8,0	10,0			4,0	4,0	5,9	Tích cực trong học , cần tự tin khi trình bày kiến thức.		
45	Nguyễn Thị Trí Vy	10,0	10,0	10,0			4,0	6,5	7,2	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thanh Tâm

Hóa học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú		
1	Phạm Phúc An	10,0	9,0	8,0			9,0	9,0	9,0	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
2	Phan Gia Bảo	9,0	10,0	8,0			7,5	7,3	8,0	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
3	Phan Thành Bảo	9,0	10,0	8,0			7,5	7,0	7,9	Học khá, cần cố gắng.		
4	Hồ Quốc Bình	10,0	10,0	9,0			10,0	9,8	9,8	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
5	Nguyễn Thành Công	10,0	10,0	8,0			9,0	9,5	9,3	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
6	Bùi Quốc Dũng	9,0	9,0	8,0			7,5	9,5	8,7	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
7	Lê Thị Thanh Đào	9,0	10,0	8,0			8,5	9,0	8,9	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
8	Huỳnh Bảo Đạt	10,0	10,0	8,0			9,0	8,8	9,1	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
9	Nguyễn Thành Đạt	10,0	10,0	8,0			9,5	10,0	9,6	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
10	Văn Thành Đạt	9,0	9,0	7,0			8,0	8,0	8,1	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
11	Trần Thị Hồng Gấm	10,0	10,0	9,0			10,0	9,8	9,8	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
12	Lê Gia Hân	9,0	10,0	9,0			8,5	9,8	9,3	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10,0	10,0	8,0			7,5	7,8	8,3	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10,0	10,0	8,0			8,5	8,3	8,7	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
15	Nguyễn Minh Hậu	7,0	9,0	6,0			6,5	7,0	7,0	Học khá, cần cố gắng.		
16	Trương Lê Xuân Hoa	10,0	10,0	9,0			10,0	10,0	9,9	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
17	Đoàn Mai Hoàng	9,0	9,0	8,0			8,5	8,8	8,7	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
18	Nguyễn Võ Đan Huy	9,0	10,0	9,0			6,5	9,0	8,5	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
19	Bùi Nhật Huy	9,0	9,0	7,0			8,5	8,8	8,6	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
20	Huỳnh Văn Huy	10,0	9,0	8,0			9,0	9,0	9,0	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	10,0	10,0	9,0			10,0	10,0	9,9	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
22	Huỳnh Nhật Khánh	10,0	10,0	9,0			10,0	9,8	9,8	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
23	Lê Đăng Khoa	6,0	10,0	7,0			6,5	9,0	7,9	Học khá, cần cố gắng.		
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	9,0	9,0	8,0			8,5	7,8	8,3	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
25	Nguyễn Thị Thủy Kiều	9,0	9,0	8,0			8,5	8,8	8,7	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	10,0	10,0	8,0			9,0	8,8	9,1	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
27	Phạm Minh Nhân	7,0	8,0	5,0			5,5	5,5	5,9	Học được, cần cố gắng hơn.		
28	Nguyễn Trọng Nhân	10,0	8,0	8,0			9,0	7,8	8,4	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
29	Trần Thị Cẩm Nhung	9,0	9,0	8,0			7,5	7,5	7,9	Học khá, cần cố gắng.		
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	9,0	10,0	8,0			8,5	9,3	9,0	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
31	Trương Huỳnh Như	9,0	9,0	8,0			8,0	8,5	8,4	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
32	Võ Minh Nhựt	10,0	9,0	8,0			10,0	7,0	8,5	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
33	Lương Thành Phong	10,0	10,0	9,0			10,0	10,0	9,9	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	10,0	9,0	8,0			9,0	9,3	9,1	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
35	Nguyễn Hoàng Sơn	10,0	8,0	8,0			9,0	6,0	7,8	Học khá, cần cố gắng.		
36	Nguyễn Văn Thanh	8,0	8,0	8,0			6,5	6,3	7,0	Học khá, cần cố gắng.		
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận	10,0	7,0	7,0			10,0	7,5	8,3	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	10,0	9,0	8,0			9,0	7,3	8,4	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
39	Nguyễn Thị Kim Thử	9,0	9,0	8,0			8,0	7,3	8,0	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
40	Lê Thị Bích Tiên	10,0	10,0	9,0			10,0	9,8	9,8	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
41	Võ Thị Huyền Trang	9,0	9,0	7,0			6,5	7,3	7,5	Học khá, cần cố gắng.		
42	Đinh Thái Tú	10,0	10,0	8,0			9,0	8,8	9,1	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
43	Nguyễn Tấn Văng	9,0	10,0	8,0			8,5	8,8	8,8	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
44	Nguyễn Ngọc An Viên	10,0	10,0	9,0			9,5	10,0	9,8	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
45	Nguyễn Thị Trí Vy	10,0	10,0	9,0			9,5	9,8	9,7	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hữu Tân

Sinh học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Phạm Phúc An	6,0	7,0	7,0			9,1	9,3	8,3	học tốt, ngoan	
2	Phan Gia Bảo	5,0	6,0	8,0			4,0	7,0	6,0	có cố gắng trong học tập	
3	Phan Thành Bảo	7,0	8,0	8,0			7,0	8,0	7,6	học khá, có cố gắng trong học tập	
4	Hồ Quốc Bình	10,0	9,0	7,0			8,0	6,8	7,8	học khá, có cố gắng trong học tập	
5	Nguyễn Thành Công	7,0	8,0	8,0			7,6	8,5	8,0	học tốt, ngoan	
6	Bùi Quốc Dũng	8,0	8,0	8,0			8,0	8,0	8,0	học tốt, ngoan	
7	Lê Thị Thanh Đào	10,0	8,0	9,0			10,0	8,3	9,0	học giỏi, chăm ngoan	
8	Huỳnh Bảo Đạt	6,0	6,0	8,0			8,0	7,8	7,4	học khá, có cố gắng trong học tập	
9	Nguyễn Thành Đạt	9,0	8,0	9,0			7,0	2,3	5,9	có cố gắng trong học tập	
10	Văn Thành Đạt	9,0	8,0	7,0			6,5	5,3	6,6	có cố gắng trong học tập	
11	Trần Thị Hồng Gấm	9,0	7,0	8,0			7,0	8,0	7,8	học khá, có cố gắng trong học tập	
12	Lê Gia Hân	9,0	8,0	9,0			9,0	6,8	8,1	học tốt, ngoan	
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	7,0	8,0			7,0	8,0	7,6	học khá, có cố gắng trong học tập	
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	8,0	7,0			7,0	8,3	7,9	học khá, có cố gắng trong học tập	
15	Nguyễn Minh Hậu	9,0	9,0	8,0			8,0	6,5	7,7	học khá, có cố gắng trong học tập	
16	Trương Lê Xuân Hoa	8,0	7,0	8,0			8,5	8,8	8,3	học tốt, ngoan	
17	Đoàn Mai Hoàng	7,0	6,0	8,0			8,0	8,5	7,8	học khá, có cố gắng trong học tập	
18	Nguyễn Võ Đan Huy	7,0	8,0	8,0			8,0	7,0	7,5	học khá, có cố gắng trong học tập	
19	Bùi Nhật Huy	7,0	9,0	9,0			8,0	6,3	7,5	học khá, có cố gắng trong học tập	
20	Huỳnh Văn Huy	8,0	8,0	8,0			8,0	9,0	8,4	học tốt, ngoan	
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	4,0	7,0	7,0			7,5	7,5	6,9	có cố gắng trong học tập	
22	Huỳnh Nhật Khánh	8,0	6,0	7,0			7,5	7,5	7,3	học khá, có cố gắng trong học tập	
23	Lê Đăng Khoa	9,0	8,0	9,0			9,0	4,0	7,0	học khá, có cố gắng trong học tập	
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	9,0	7,0	7,0			9,0	7,0	7,8	học khá, có cố gắng trong học tập	
25	Nguyễn Thị Thủy Kiều	8,0	8,0	8,0			7,5	6,3	7,2	học khá, có cố gắng trong học tập	
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	8,0	7,0	8,0			8,0	9,0	8,3	học tốt, ngoan	
27	Phạm Minh Nhân	8,0	6,0	8,0			7,0	3,8	5,9	có cố gắng trong học tập	
28	Nguyễn Trọng Nhân	8,0	7,0	9,0			6,0	5,3	6,5	có cố gắng trong học tập	
29	Trần Thị Cẩm Nhung	8,0	7,0	7,0			4,0	6,8	6,3	có cố gắng trong học tập	
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	9,0	6,0	8,0			7,5	9,3	8,2	học tốt, ngoan	
31	Trương Huỳnh Như	6,0	7,0	7,0			5,5	8,5	7,1	học khá, có cố gắng trong học tập	
32	Võ Minh Nhựt	5,0	8,0	8,0			3,5	9,3	7,0	học khá, có cố gắng trong học tập	
33	Lương Thành Phong	9,0	8,0	9,0			7,5	4,0	6,6	có cố gắng trong học tập	
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	6,0	7,0	8,0			4,5	7,5	6,6	có cố gắng trong học tập	
35	Nguyễn Hoàng Sơn	10,0	8,0	9,0			7,0	4,3	6,7	có cố gắng trong học tập	
36	Nguyễn Văn Thanh	5,0	8,0	8,0			7,0	6,5	6,8	có cố gắng trong học tập	
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận	8,0	7,0	8,0			8,0	7,5	7,7	học khá, có cố gắng trong học tập	
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	9,0	9,0	8,0			8,5	8,5	8,6	học giỏi, chăm ngoan	
39	Nguyễn Thị Kim Thử	8,0	8,0	9,0			8,0	8,0	8,1	học tốt, ngoan	
40	Lê Thị Bích Tiên	8,0	7,0	8,0			6,0	6,5	6,8	có cố gắng trong học tập	
41	Võ Thị Huyền Trang	3,0	8,0	9,0			7,0	6,0	6,5	có cố gắng trong học tập	
42	Đinh Thái Tú	7,0	7,0	8,0			6,0	8,5	7,4	học khá, có cố gắng trong học tập	
43	Nguyễn Tấn Vàng	5,0	6,0	8,0			6,0	6,3	6,2	có cố gắng trong học tập	
44	Nguyễn Ngọc An Viên	3,0	8,0	8,0			7,0	5,3	6,1	có cố gắng trong học tập	
45	Nguyễn Thị Trí Vy	10,0	8,0	9,0			8,0	6,5	7,8	học khá, có cố gắng trong học tập	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thùy Linh, Phạm Thị Thu

Ngữ văn HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhhk	Ghi Chú	
1	Phạm Phúc An	6,0	7,0	7,0	8,0		5,0	5,5	6,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
2	Phan Gia Bảo	6,0	7,0	6,0	7,0		4,5	6,0	5,9	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
3	Phan Thành Bảo	5,0	6,0	5,0	6,0		3,5	4,5	4,7	Cần cố gắng hơn	
4	Hồ Quốc Bình	8,0	10,0	8,0	8,0		6,0	6,0	7,1	Học khá	
5	Nguyễn Thành Công	5,0	7,0	7,0	6,0		6,0	6,0	6,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
6	Bùi Quốc Dũng	6,0	7,0	7,0	7,0		5,0	5,0	5,8	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
7	Lê Thị Thanh Đào	5,0	6,0	7,0	8,0		5,5	7,0	6,4	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
8	Huỳnh Bảo Đạt	7,0	6,0	8,0	8,0		6,5	7,0	7,0	Học khá	
9	Nguyễn Thành Đạt	5,0	6,0	5,0	5,0		4,5	5,8	5,3	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
10	Văn Thành Đạt	5,0	5,0	6,0	5,0		5,0	5,0	5,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
11	Trần Thị Hồng Gấm	6,0	6,0	7,0	8,0		5,5	5,5	6,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
12	Lê Gia Hân	6,0	7,0	7,0	7,0		7,0	5,0	6,2	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	4,0	7,0	6,0	7,0		6,0	5,0	5,7	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7,0	8,0	9,0	7,0		4,5	5,0	6,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
15	Nguyễn Minh Hậu	4,0	4,0	5,0	4,0		4,5	4,5	4,4	Cần cố gắng hơn	
16	Trương Lê Xuân Hoa	6,0	9,0	7,0	8,0		6,0	6,0	6,7	Học khá	
17	Đoàn Mai Hoàng	7,0	7,0	7,0	7,0		6,5	6,0	6,6	Học khá	
18	Nguyễn Võ Đan Huy	6,0	7,0	7,0	7,0		6,5	5,5	6,3	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
19	Bùi Nhật Huy	5,0	7,0	7,0	7,0		5,0	5,5	5,8	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
20	Huỳnh Văn Huy	5,0	7,0	6,0	8,0		5,5	5,5	5,9	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	6,0	10,0	7,0	7,0		6,0	6,5	6,8	Học khá	
22	Huỳnh Nhật Khánh	6,0	9,0	7,0	7,0		6,5	7,0	7,0	Học khá	
23	Lê Đăng Khoa	4,0	5,0	6,0	6,0		4,5	5,5	5,2	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	7,0	7,0	6,0	7,0		3,5	6,0	5,8	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
25	Nguyễn Thị Thủy Kiều	7,0	7,0	7,0	8,0		6,5	7,5	7,2	Học khá	
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	5,0	7,0	6,0	8,0		5,5	8,0	6,8	Học khá	
27	Phạm Minh Nhân	5,0	5,0	5,0	4,0		3,5	3,5	4,1	Cần cố gắng hơn	
28	Nguyễn Trọng Nhân	6,0	7,0	8,0	7,0		3,5	5,0	5,6	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
29	Trần Thị Cẩm Nhung	6,0	7,0	7,0	7,0		6,0	6,5	6,5	Học khá	
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	7,0	7,0	8,0	8,0		6,0	5,0	6,3	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
31	Trương Huỳnh Như	8,0	8,0	8,0	8,0		4,0	5,0	6,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
32	Võ Minh Nhựt	7,0	9,0	8,0	7,0		5,0	5,0	6,2	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
33	Lương Thành Phong	8,0	8,0	8,0	8,0		6,0	7,0	7,2	Học khá	
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	6,0	6,0	7,0	7,0		6,0	6,0	6,2	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
35	Nguyễn Hoàng Sơn	6,0	7,0	7,0	5,0		5,0	4,5	5,4	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
36	Nguyễn Văn Thanh	5,0	5,0	5,0	7,0		5,0	6,0	5,6	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận	4,0	4,0	5,0	6,0		5,5	6,0	5,3	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	7,0	7,0	8,0	8,0		4,5	7,0	6,7	Học khá	
39	Nguyễn Thị Kim Thử	5,0	6,0	7,0	7,0		5,5	6,0	6,0	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
40	Lê Thị Bích Tiên	6,0	7,0	7,0	7,0		5,0	4,5	5,6	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
41	Võ Thị Huyền Trang	5,0	6,0	7,0	8,0		5,5	4,5	5,6	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
42	Đinh Thái Tú	8,0	7,0	7,0	8,0		6,5	5,5	6,6	Học khá	
43	Nguyễn Tấn Vàng	6,0	7,0	7,0	7,0		7,0	6,5	6,7	Học khá	
44	Nguyễn Ngọc An Viên	6,0	6,0	6,0	7,0		5,0	6,0	5,9	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
45	Nguyễn Thị Trí Vy	6,0	5,0	6,0	7,0		5,5	5,5	5,7	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Vân

HỌC KỲ I Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú		
1	Phạm Phúc An	8,0	1,0	5,0			8,5	9,0	7,3	Học khá, có cố gắng.		
2	Phan Gia Bảo	7,0	7,0	6,0			3,8	7,0	6,1	Học được, cần cố gắng hơn.		
3	Phan Thành Bảo	8,0	7,0	10,0			4,8	4,5	6,0	Học được, cần cố gắng hơn.		
4	Hồ Quốc Bình	8,0	10,0	9,0			8,3	8,8	8,8	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
5	Nguyễn Thành Công	10,0	10,0	8,0			8,5	9,5	9,2	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
6	Bùi Quốc Dũng	5,0	7,0	6,0			7,0	8,8	7,3	Học khá, có cố gắng.		
7	Lê Thị Thanh Đào	8,0	7,0	7,0			8,3	9,0	8,2	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
8	Huỳnh Bảo Đạt	8,0	8,0	10,0			8,8	8,0	8,5	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
9	Nguyễn Thành Đạt	8,0	7,0	6,0			5,5	5,3	6,0	Học được, cần cố gắng hơn.		
10	Văn Thành Đạt	8,0	7,0	6,0			7,3	7,3	7,2	Học khá, có cố gắng.		
11	Trần Thị Hồng Gấm	5,0	9,0	10,0			5,8	5,8	6,6	Học khá, có cố gắng.		
12	Lê Gia Hân	8,0	7,0	5,0			5,5	3,5	5,2	Học được, cần cố gắng hơn.		
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	7,0	10,0			6,5	4,8	6,6	Học khá, có cố gắng.		
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	9,0	10,0			9,3	9,0	9,2	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
15	Nguyễn Minh Hậu	9,0	1,0	10,0			7,5	6,3	6,7	Học khá, có cố gắng.		
16	Trương Lê Xuân Hoa	8,0	7,0	7,0			8,5	9,5	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
17	Đoàn Mai Hoàng	9,0	7,0	3,0			6,5	8,0	7,0	học khá, có cố gắng.		
18	Nguyễn Võ Đan Huy	8,0	7,0	10,0			8,8	8,8	8,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
19	Bùi Nhật Huy	9,0	10,0	7,0			7,0	5,5	7,1	Học khá, có cố gắng.		
20	Huỳnh Văn Huy	5,0	10,0	7,0			7,0	6,5	6,9	Học khá, có cố gắng.		
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	8,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
22	Huỳnh Nhật Khánh	9,0	10,0	9,0			7,3	6,5	7,8	Học khá, có cố gắng.		
23	Lê Đăng Khoa	8,0	6,0	5,0			3,3	6,5	5,6	Học được, cần cố gắng hơn.		
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	8,0	7,0	7,0			5,0	5,0	5,9	Học được, cần cố gắng hơn.		
25	Nguyễn Thị Thúy Kiều	9,0	10,0	10,0			6,8	5,5	7,4	Học khá, có cố gắng.		
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	8,0	10,0	10,0			9,0	9,0	9,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
27	Phạm Minh Nhân	9,0	5,0	5,0			5,5	6,5	6,2	Học được, cần cố gắng hơn.		
28	Nguyễn Trọng Nhân	8,0	10,0	7,0			6,5	8,5	7,9	Học khá, có cố gắng.		
29	Trần Thị Cẩm Nhung	7,0	7,0	5,0			8,3	6,0	6,7	Học khá, có cố gắng.		
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	8,0	7,0	5,0			8,5	9,0	8,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
31	Trương Huỳnh Như	9,0	7,0	10,0			9,0	9,3	9,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
32	Võ Minh Nhựt	8,0	7,0	7,0			8,5	9,3	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
33	Lương Thành Phong	8,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,5	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	9,0	8,0	10,0			6,3	9,5	8,5	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
35	Nguyễn Hoàng Sơn	8,0	7,0	3,0			5,5	6,0	5,9	Học được, cần cố gắng hơn.		
36	Nguyễn Văn Thanh	9,0	7,0	3,0			7,8	5,3	6,3	Học được, cần cố gắng hơn.		
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận	7,0	9,0	10,0			7,5	8,0	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	8,0	7,0	5,0			9,0	8,8	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
39	Nguyễn Thị Kim Thử	9,0	10,0	7,0			7,0	8,0	8,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
40	Lê Thị Bích Tiên	7,0	4,0	3,0			6,3	8,5	6,5	Học được, cần cố gắng hơn.		
41	Võ Thị Huyền Trang	7,0	7,0	7,0			7,5	6,8	7,1	Học khá, có cố gắng.		
42	Đinh Thái Tú	9,0	9,0	1,0			8,8	9,5	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
43	Nguyễn Tấn Vàng	8,0	9,0	6,0			8,0	10,0	8,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
44	Nguyễn Ngọc An Viên	8,0	1,0	1,0			8,5	8,0	6,4	Học được, cần cố gắng hơn.		
45	Nguyễn Thị Trí Vy	8,0	7,0	1,0			8,5	3,0	5,3	Học được, cần cố gắng hơn.		

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lệ Huyền

Ngoại ngữ 1

HỌC KỲ I

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Phạm Phúc An	6,0	6,0	7,0	7,0		7,5	5,5	6,4	Có cố gắng
2	Phan Gia Bảo	4,0	1,0	8,0	7,0		3,3	4,7	4,5	Cần cố gắng nhiều hơn
3	Phan Thành Bảo	5,0	4,0	8,0	5,5		7,8	3,3	5,3	Có cố gắng
4	Hồ Quốc Bình	9,0	8,5	8,0	7,5		7,5	6,2	7,4	Học khá tốt
5	Nguyễn Thành Công	6,0	4,0	8,0	6,5		7,8	4,1	5,8	Có cố gắng
6	Bùi Quốc Dũng	8,0	6,0	8,0	8,0		7,8	6,9	7,4	Học khá tốt
7	Lê Thị Thanh Đào	7,0	7,5	8,0	8,0		7,0	6,2	7,0	Học khá tốt
8	Huỳnh Bảo Đạt	8,0	7,0	6,0	8,0		8,0	5,0	6,7	Học khá tốt
9	Nguyễn Thành Đạt	3,0	8,0	8,0	6,5		6,3	6,2	6,3	Có cố gắng
10	Văn Thành Đạt	4,0	8,5	8,0	6,0		6,0	5,1	6,0	Có cố gắng
11	Trần Thị Hồng Gấm	9,0	5,5	6,0	9,0		8,3	5,5	7,0	Học khá tốt
12	Lê Gia Hân	9,0	8,0	8,0	7,5		8,5	6,6	7,7	Học khá tốt
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	6,5	8,0	8,5		6,8	5,0	6,6	Học khá tốt
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	8,0	6,0	7,0		6,0	5,6	6,4	Có cố gắng
15	Nguyễn Minh Hậu	8,0	7,0	8,0	4,5		7,3	5,4	6,5	Có cố gắng
16	Trương Lê Xuân Hoa	7,0	9,0	6,0	8,5		8,0	6,0	7,2	Học khá tốt
17	Đoàn Mai Hoàng	7,0	4,5	8,0	7,0		2,8	4,5	5,1	Có cố gắng
18	Nguyễn Võ Đan Huy	8,0	7,0	7,0	7,0		7,5	6,8	7,2	Học khá tốt
19	Bùi Nhật Huy	7,0	8,0	7,0	5,5		6,3	5,6	6,3	Có cố gắng
20	Huỳnh Văn Huy	7,0	7,0	8,0	6,5		6,3	6,6	6,8	Học khá tốt
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	10,0	7,0	8,0	9,0		8,3	5,0	7,3	Học khá tốt
22	Huỳnh Nhật Khánh	9,0	5,0	7,0	8,5		6,8	6,0	6,8	Học khá tốt
23	Lê Đăng Khoa	3,0	3,0	8,0	6,0		2,8	5,4	4,6	Cần cố gắng nhiều hơn
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	6,0	6,0	7,0	8,0		6,0	5,5	6,2	Có cố gắng
25	Nguyễn Thị Thủy Kiều	7,0	7,0	10,0	8,0		7,5	5,4	7,0	Học khá tốt
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	8,0	7,0	6,0	8,5		7,5	5,0	6,6	Học khá tốt
27	Phạm Minh Nhân	2,0	3,0	1,0	1,0		2,0	2,6	2,1	Cần cố gắng nhiều hơn
28	Nguyễn Trọng Nhân	6,0	2,0	7,0	7,0		7,5	3,7	5,3	Có cố gắng
29	Trần Thị Cẩm Nhung	5,0	6,5	8,0	9,0		6,3	5,6	6,4	Có cố gắng
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	7,0	8,5	8,0	6,5		9,0	6,1	7,4	Học khá tốt
31	Trương Huỳnh Như	8,0	7,5	8,0	9,0		6,0	5,8	6,9	Học khá tốt
32	Võ Minh Nhựt	7,0	5,5	8,0	6,5		4,8	4,5	5,6	Có cố gắng
33	Lương Thành Phong	9,0	8,5	7,0	8,5		8,0	5,8	7,4	Học khá tốt
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	5,0	2,0	7,0	7,0		8,0	5,1	5,8	Có cố gắng
35	Nguyễn Hoàng Sơn	5,0	7,0	8,0	6,5		5,5	6,7	6,4	Có cố gắng
36	Nguyễn Văn Thanh	6,0	8,0	7,0	6,5		3,8	5,0	5,6	Có cố gắng
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận	7,0	4,0	8,0	6,5		7,0	5,6	6,3	Có cố gắng
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	8,0	8,5	8,0	7,0		9,0	6,1	7,5	Học khá tốt
39	Nguyễn Thị Kim Thử	8,0	7,5	8,0	8,0		6,3	4,5	6,4	Có cố gắng
40	Lê Thị Bích Tiên	7,0	7,0	6,0	8,5		8,0	5,4	6,7	Học khá tốt
41	Võ Thị Huyền Trang	8,0	7,5	2,0	8,0		5,3	4,4	5,5	Có cố gắng
42	Đinh Thái Tú	7,0	8,0	8,0	7,0		5,0	4,1	5,8	Có cố gắng
43	Nguyễn Tấn Vàng	9,0	7,5	8,0	7,5		5,5	6,0	6,8	Học khá tốt
44	Nguyễn Ngọc An Viên	8,0	3,5	1,0	7,5		6,8	8,2	6,5	Có cố gắng
45	Nguyễn Thị Trí Vy	9,0	9,0	8,0	9,0		9,0	7,1	8,3	Học giỏi, chăm ngoan

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Hồng Thủy

Giáo Dục Quốc Phòng

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 25/48

Công nghệ trồng trọt

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 26/48

Giáo dục thể chất HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)										
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)								Ghi Chú
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	
1	Phạm Phúc An	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
2	Phan Gia Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
3	Phan Thành Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
4	Hồ Quốc Bình	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
5	Nguyễn Thành Công	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
6	Bùi Quốc Dũng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
7	Lê Thị Thanh Đào	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
8	Huỳnh Bảo Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
9	Nguyễn Thành Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
10	Văn Thành Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
11	Trần Thị Hồng Gấm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
12	Lê Gia Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
15	Nguyễn Minh Hậu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
16	Trương Lê Xuân Hoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
17	Đoàn Mai Hoàng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
18	Nguyễn Võ Đan Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
19	Bùi Nhật Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
20	Huỳnh Văn Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
22	Huỳnh Nhật Khánh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
23	Lê Đăng Khoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
25	Nguyễn Thị Thủy Kiều	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
27	Phạm Minh Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
28	Nguyễn Trọng Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
29	Trần Thị Cẩm Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
31	Trương Huỳnh Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
32	Võ Minh Nhựt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
33	Lương Thành Phong	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
35	Nguyễn Hoàng Sơn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
36	Nguyễn Văn Thanh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
39	Nguyễn Thị Kim Thử	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
40	Lê Thị Bích Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
41	Võ Thị Huyền Trang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
42	Đinh Thái Tú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
43	Nguyễn Tấn Vàng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
44	Nguyễn Ngọc An Viên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt
45	Nguyễn Thị Trí Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	học tập tốt

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Hồng Hải

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

trang 28/48

STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)								Ghi Chú
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	
1	Phạm Phúc An	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
2	Phan Gia Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
3	Phan Thành Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
4	Hồ Quốc Bình	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
5	Nguyễn Thành Công	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
6	Bùi Quốc Dũng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
7	Lê Thị Thanh Đào	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
8	Huỳnh Bảo Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
9	Nguyễn Thành Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
10	Văn Thành Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
11	Trần Thị Hồng Gấm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
12	Lê Gia Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
15	Nguyễn Minh Hậu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
16	Trương Lê Xuân Hoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
17	Đoàn Mai Hoàng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
18	Nguyễn Võ Đan Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
19	Bùi Nhật Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
20	Huỳnh Văn Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
22	Huỳnh Nhật Khánh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
23	Lê Đăng Khoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
25	Nguyễn Thị Thủy Kiều	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
27	Phạm Minh Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
28	Nguyễn Trọng Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
29	Trần Thị Cẩm Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
31	Trương Huỳnh Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
32	Võ Minh Nhựt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
33	Lương Thành Phong	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
35	Nguyễn Hoàng Sơn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
36	Nguyễn Văn Thanh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
39	Nguyễn Thị Kim Thử	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
40	Lê Thị Bích Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
41	Võ Thị Huyền Trang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
42	Đinh Thái Tú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
43	Nguyễn Tấn Vàng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
44	Nguyễn Ngọc An Viên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
45	Nguyễn Thị Trí Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thanh Phong

TỔNG HỢP HỌC KỲ I

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Công nghệ trồng trọt		
1	Phạm Phúc An	Đ	Đ	Đ	6,3	7,4	9,0	8,3	6,1	7,3	6,4	7,3	8,8	K	T
2	Phan Gia Bảo	Đ	Đ	Đ	7,2	7,6	8,0	6,0	5,9	6,1	4,5	6,6	8,6	Đ	T
3	Phan Thành Bảo	Đ	Đ	Đ	6,0	6,8	7,9	7,6	4,7	6,0	5,3	7,4	8,5	Đ	T
4	Hồ Quốc Bình	Đ	Đ	Đ	9,7	7,8	9,8	7,8	7,1	8,8	7,4	8,1	8,6	K	T
5	Nguyễn Thành Công	Đ	Đ	Đ	7,0	7,0	9,3	8,0	6,1	9,2	5,8	8,4	8,6	K	T
6	Bùi Quốc Dũng	Đ	Đ	Đ	6,6	6,7	8,7	8,0	5,8	7,3	7,4	8,0	8,8	K	T
7	Lê Thị Thanh Đào	Đ	Đ	Đ	8,2	8,6	8,9	9,0	6,4	8,2	7,0	8,1	9,1	K	T
8	Huỳnh Bảo Đạt	Đ	Đ	Đ	7,7	8,7	9,1	7,4	7,0	8,5	6,7	8,6	8,7	K	T
9	Nguyễn Thành Đạt	Đ	Đ	Đ	5,3	6,6	9,6	5,9	5,3	6,0	6,3	6,5	8,6	Đ	T
10	Văn Thành Đạt	Đ	Đ	Đ	5,3	6,9	8,1	6,6	5,1	7,2	6,0	7,4	8,5	K	T
11	Trần Thị Hồng Gấm	Đ	Đ	Đ	8,7	7,9	9,8	7,8	6,1	6,6	7,0	8,1	8,5	K	T
12	Lê Gia Hân	Đ	Đ	Đ	7,2	8,6	9,3	8,1	6,2	5,2	7,7	6,6	8,7	K	T
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	6,9	7,9	8,3	7,6	5,7	6,6	6,6	8,2	8,9	K	T
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	7,8	8,8	8,7	7,9	6,1	9,2	6,4	7,4	8,5	K	T
15	Nguyễn Minh Hậu	Đ	Đ	Đ	6,3	5,9	7,0	7,7	4,4	6,7	6,5	7,3	8,8	Đ	K
16	Trương Lê Xuân Hoa	Đ	Đ	Đ	8,7	8,9	9,9	8,3	6,7	8,4	7,2	8,6	8,3	T	T
17	Đoàn Mai Hoàng	Đ	Đ	Đ	7,0	8,4	8,7	7,8	6,6	7,0	5,1	6,5	8,7	K	T
18	Nguyễn Võ Đan Huy	Đ	Đ	Đ	9,5	8,7	8,5	7,5	6,3	8,6	7,2	8,0	8,2	K	T
19	Bùi Nhật Huy	Đ	Đ	Đ	6,6	6,3	8,6	7,5	5,8	7,1	6,3	8,0	8,6	K	T
20	Huỳnh Văn Huy	Đ	Đ	Đ	5,5	7,2	9,0	8,4	5,9	6,9	6,8	6,6	8,6	K	T
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	Đ	Đ	Đ	8,8	8,6	9,9	6,9	6,8	9,0	7,3	8,3	8,8	T	T
22	Huỳnh Nhật Khánh	Đ	Đ	Đ	6,6	8,4	9,8	7,3	7,0	7,8	6,8	7,4	9,1	K	T
23	Lê Đăng Khoa	Đ	Đ	Đ	5,0	6,4	7,9	7,0	5,2	5,6	4,6	7,1	7,5	Đ	T
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	Đ	Đ	Đ	7,1	6,3	8,3	7,8	5,8	5,9	6,2	7,2	8,5	Đ	T
25	Nguyễn Thị Thúy Kiều	Đ	Đ	Đ	7,0	8,1	8,7	7,2	7,2	7,4	7,0	8,1	8,9	K	T
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	Đ	Đ	Đ	7,7	8,8	9,1	8,3	6,8	9,1	6,6	8,3	8,9	T	T
27	Phạm Minh Nhân	Đ	Đ	Đ	4,1	4,3	5,9	5,9	4,1	6,2	2,1	5,4	6,9	CĐ	T
28	Nguyễn Trọng Nhân	Đ	Đ	Đ	5,8	7,0	8,4	6,5	5,6	7,9	5,3	7,4	8,6	K	T
29	Trần Thị Cẩm Nhung	Đ	Đ	Đ	6,4	7,3	7,9	6,3	6,5	6,7	6,4	8,1	8,9	K	T
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	Đ	Đ	Đ	8,5	7,9	9,0	8,2	6,3	8,0	7,4	8,1	8,9	K	T
31	Trương Huỳnh Như	Đ	Đ	Đ	7,3	8,2	8,4	7,1	6,1	9,0	6,9	8,0	8,9	K	T
32	Võ Minh Nhựt	Đ	Đ	Đ	8,4	7,7	8,5	7,0	6,2	8,4	5,6	7,8	8,9	K	T
33	Lương Thành Phong	Đ	Đ	Đ	8,2	7,9	9,9	6,6	7,2	8,5	7,4	8,0	9,1	K	T
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	Đ	Đ	Đ	5,7	7,3	9,1	6,6	6,2	8,5	5,8	7,2	8,5	K	T
35	Nguyễn Hoàng Sơn	Đ	Đ	Đ	5,6	6,2	7,8	6,7	5,4	5,9	6,4	6,6	7,5	Đ	T
36	Nguyễn Văn Thanh	Đ	Đ	Đ	7,3	6,8	7,0	6,8	5,6	6,3	5,6	7,1	8,7	K	T
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận	Đ	Đ	Đ	5,4	6,3	8,3	7,7	5,3	8,1	6,3	7,7	8,8	Đ	T
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	Đ	Đ	Đ	6,4	7,7	8,4	8,6	6,7	8,1	7,5	7,4	8,9	K	T
39	Nguyễn Thị Kim Thù	Đ	Đ	Đ	6,9	7,9	8,0	8,1	6,0	8,0	6,4	8,0	8,8	K	T
40	Lê Thị Bích Tiên	Đ	Đ	Đ	5,8	8,1	9,8	6,8	5,6	6,5	6,7	8,1	8,2	K	T
41	Võ Thị Huyền Trang	Đ	Đ	Đ	5,7	6,6	7,5	6,5	5,6	7,1	5,5	6,5	8,5	K	T
42	Đinh Thái Tú	Đ	Đ	Đ	8,4	9,1	9,1	7,4	6,6	8,1	5,8	7,7	8,8	K	T
43	Nguyễn Tấn Vàng	Đ	Đ	Đ	7,4	8,4	8,8	6,2	6,7	8,6	6,8	8,8	8,9	K	T
44	Nguyễn Ngọc An Viên	Đ	Đ	Đ	7,2	5,9	9,8	6,1	5,9	6,4	6,5	7,1	8,0	Đ	T
45	Nguyễn Thị Trí Vy	Đ	Đ	Đ	7,8	7,2	9,7	7,8	5,7	5,3	8,3	7,2	8,9	K	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Nguyễn Hữu Tân

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ II

HQC KỲ II

Toán (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Phạm Phúc An	7,0	8,0	8,0	9,0	10,0	6,0	8,8	8,0	7.4			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, kỹ năng làm việc nhóm tốt
2	Phan Gia Bảo	9,0	8,0	9,0	9,0	9,0	6,5	6,3	7,6	7.5			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
3	Phan Thành Bảo	8,0	7,0	7,0	9,0	9,0	5,5	6,3	7,0	6.7			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
4	Hồ Quốc Bình	9,0	10,0	9,0	8,0	10,0	10,0	8,3	9,1	9.3			Trung thực, sáng tạo, vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề thực tiễn tốt
5	Nguyễn Thành Công	8,0	9,0	8,0	8,0	9,0	5,8	5,0	6,9	6.9			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
6	Bùi Quốc Dũng	8,0	8,0	7,0	9,0	8,0	5,8	8,3	7,7	7.3			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
7	Lê Thị Thanh Đào	9,0	9,0	8,0	10,0	8,0	6,8	7,0	7,9	8.0			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
8	Huỳnh Bảo Đạt	8,0	9,0	7,0	8,0	7,0	5,5	8,3	7,5	7.6			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
9	Nguyễn Thành Đạt	7,0	8,0	8,0	7,0	7,0	5,0	8,0	7,1	6.5			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
10	Vân Thành Đạt	8,0	7,0	8,0	9,0	7,0	5,3	6,3	6,9	6.4			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
11	Trần Thị Hồng Gấm	10,0	8,0	8,0	9,0	10,0	8,5	5,8	7,9	8.2			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
12	Lê Gia Hân	9,0	9,0	8,0	9,0	8,0	8,5	8,8	8,6	8.1			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, kỹ năng làm việc nhóm tốt
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7,0	8,0	8,0	9,0	9,0	7,5	7,8	7,9	7.6			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	7,0	10,0	9,0	8,0	5,8	7,5	7,6	7.7			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
15	Nguyễn Minh Hậu	8,0	7,0	8,0	8,0	8,0	5,5	5,0	6,5	6.4			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
16	Trương Lê Xuân Hoa	9,0	10,0	8,0	9,0	8,0	9,3	8,8	8,9	8.8			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, kỹ năng làm việc nhóm tốt
17	Đoàn Mai Hoàng	9,0	9,0	8,0	9,0	7,0	6,0	6,0	7,2	7.1			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
18	Nguyễn Võ Đan Huy	9,0	10,0	8,0	9,0	8,0	9,5	7,8	8,6	8.9			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, kỹ năng làm việc nhóm tốt
19	Bùi Nhật Huy	8,0	7,0	8,0	8,0	7,0	6,0	6,5	7,0	6.9			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
20	Huỳnh Văn Huy	8,0	8,0	7,0	8,0	8,0	5,5	5,3	6,6	6.2			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	9,0	7,0	10,0	9,0	10,0	7,8	8,3	8,6	8.7			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, kỹ năng làm việc nhóm tốt
22	Huỳnh Nhật Khánh	9,0	8,0	8,0	9,0	8,0	6,0	6,0	7,2	7.0			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
23	Lê Đăng Khoa	7,0	7,0	8,0	8,0	7,0	5,0	5,0	6,2	5.8			Ngoan ngoan, lễ phép, hòa đồng với bạn bè.
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	8,0	8,0	8,0	9,0	9,0	6,3	8,3	8,0	7.7			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, kỹ năng làm việc nhóm tốt
25	Nguyễn Thị Thủy Kiều	7,0	8,0	7,0	9,0	8,0	6,0	4,5	6,5	6.7			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	9,0	8,0	8,0	9,0	9,0	6,5	9,3	8,4	8.2			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, kỹ năng làm việc nhóm tốt
27	Phạm Minh Nhân	5,0	7,0	8,0	8,0	5,0	4,0	5,0	5,6	5.1			Ngoan ngoan, lễ phép, hòa đồng với bạn bè.
28	Nguyễn Trọng Nhân	8,0	7,0	8,0	8,0	8,0	5,0	7,8	7,2	6.7			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
29	Trần Thị Cẩm Nhung	7,0	8,0	8,0	9,0	8,0	5,3	8,5	7,6	7.2			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	8,0	9,0	9,0	9,0	7,0	9,5	8,8	8,7	8.6			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, kỹ năng làm việc nhóm tốt
31	Trương Huỳnh Như	8,0	8,0	8,0	9,0	7,0	7,3	7,3	7,7	7.6			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
32	Võ Minh Nhựt	8,0	10,0	8,0	9,0	8,0	8,3	8,3	8,5	8.5			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, kỹ năng làm việc nhóm tốt
33	Lương Thành Phong	9,0	10,0	9,0	9,0	8,0	9,5	8,5	9,0	8.7			Trung thực, sáng tạo, vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề thực tiễn tốt
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	8,0	7,0	8,0	9,0	8,0	5,0	5,0	6,5	6.2			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
35	Nguyễn Hoàng Sơn	7,0	8,0	9,0	8,0	7,0	4,5	6,8	6,8	6.4			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
36	Nguyễn Văn Thanh	9,0	9,0	10,0	8,0	9,0	5,3	8,5	8,1	7.8			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, kỹ năng làm việc nhóm tốt
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận	8,0	7,0	8,0	8,0	7,0	4,5	7,8	7,0	6.5			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	7,0	8,0	7,0	9,0	8,0	5,5	8,5	7,6	7.2			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
39	Nguyễn Thị Kim Thử	8,0	8,0	7,0	9,0	7,0	6,5	7,0	7,3	7.2			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
40	Lê Thị Bích Tiễn	7,0	8,0	7,0	9,0	7,0	5,0	8,5	7,4	6.9			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
41	Võ Thị Huyền Trang	7,0	10,0	8,0	9,0	8,0	5,0	6,8	7,2	6.7			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
42	Đinh Thái Tú	8,0	10,0	9,0	10,0	9,0	7,5	8,8	8,7	8.6			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, kỹ năng làm việc nhóm tốt
43	Nguyễn Tấn Vãng	9,0	10,0	8,0	9,0	8,0	5,3	6,8	7,5	7.5			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
44	Nguyễn Ngọc An Viên	7,0	8,0	8,0	9,0	7,0	7,0	5,3	6,9	7.0			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt
45	Nguyễn Thị Trí Vy	9,0	9,0	8,0	9,0	8,0	7,3	8,5	8,3	8.1			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, kỹ năng làm việc nhóm tốt

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Thảo

HỌC KỲ II Vật lý (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Phạm Phúc An	9,0	9,0	10,0	7,0		8,5	7,0	8,1	7.9			Học giỏi, chăm ngoan.
2	Phan Gia Bảo	8,0	9,0	10,0	9,0		6,5	4,8	7,0	7.2			Học khá, cần cố gắng.
3	Phan Thành Bảo	7,0	8,0	7,0	9,0		8,5	6,0	7,3	7.1			Học khá, cần cố gắng.
4	Hồ Quốc Bình	8,0	9,0	10,0	9,0		9,8	7,3	8,6	8.3			Học giỏi, chăm ngoan.
5	Nguyễn Thành Công	10,0	9,0	9,0	9,0		9,3	7,8	8,8	8.2			Học giỏi, chăm ngoan.
6	Bùi Quốc Dũng	7,0	8,0	7,0	9,0		9,8	8,0	8,3	7.8			Học giỏi, chăm ngoan.
7	Lê Thị Thanh Đào	10,0	9,0	10,0	9,0		9,5	7,5	8,8	8.7			Học giỏi, chăm ngoan.
8	Huỳnh Bảo Đạt	8,0	9,0	10,0	9,0		9,5	8,0	8,8	8.8			Học giỏi, chăm ngoan.
9	Nguyễn Thành Đạt	9,0	7,0	7,0	9,0		9,5	5,0	7,3	7.1			Học khá, cần cố gắng.
10	Văn Thành Đạt	7,0	7,0	8,0	9,0		7,8	6,5	7,3	7.2			Học khá, cần cố gắng.
11	Trần Thị Hồng Gấm	10,0	10,0	10,0	9,0		8,5	7,8	8,8	8.5			Học giỏi, chăm ngoan.
12	Lê Gia Hân	10,0	10,0	9,0	10,0		9,3	6,5	8,6	8.6			Học giỏi, chăm ngoan.
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7,0	5,0	10,0	9,0		8,5	7,5	7,8	7.8			Học khá, cần cố gắng.
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	9,0	10,0	9,0		9,5	7,5	8,7	8.7			Học giỏi, chăm ngoan.
15	Nguyễn Minh Hậu	7,0	8,0	8,0	9,0		9,8	7,5	8,2	7.4			Học giỏi, chăm ngoan.
16	Trương Lê Xuân Hoa	9,0	10,0	8,0	9,0		8,8	7,0	8,3	8.5			Học giỏi, chăm ngoan.
17	Đoàn Mai Hoàng	7,0	7,0	9,0	9,0		9,5	8,3	8,4	8.4			Học giỏi, chăm ngoan.
18	Nguyễn Võ Đan Huy	9,0	9,0	10,0	8,0		8,8	8,3	8,7	8.7			Học giỏi, chăm ngoan.
19	Bùi Nhật Huy	9,0	8,0	9,0	8,0		7,3	7,7	8,0	7.4			Học giỏi, chăm ngoan.
20	Huỳnh Văn Huy	7,0	9,0	8,0	9,0		8,5	6,5	7,7	7.5			Học khá, cần cố gắng.
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	8,0	10,0	10,0	9,0		9,3	8,0	8,8	8.7			Học giỏi, chăm ngoan.
22	Huỳnh Nhật Khánh	10,0	7,0	9,0	9,0		9,0	6,8	8,2	8.3			Học giỏi, chăm ngoan.
23	Lê Đăng Khoa	8,0	5,0	9,0	9,0		8,8	7,0	7,7	7.3			Học khá, cần cố gắng.
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	7,0	7,0	8,0	9,0		8,8	7,0	7,7	7.2			Học khá, cần cố gắng.
25	Nguyễn Thị Thủy Kiều	10,0	8,0	10,0	9,0		7,8	7,0	8,2	8.2			Học giỏi, chăm ngoan.
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	10,0	9,0	9,0	9,0		9,5	8,0	8,9	8.9			Học giỏi, chăm ngoan.
27	Phạm Minh Nhân	8,0	7,0	9,0	9,0		6,5	4,5	6,6	5.8			Học khá, cần cố gắng nữa
28	Nguyễn Trọng Nhân	9,0	7,0	10,0	9,0		9,8	6,8	8,3	7.9			Học giỏi, chăm ngoan.
29	Trần Thị Cẩm Nhung	10,0	10,0	10,0	9,0		9,8	6,3	8,6	8.2			Học giỏi, chăm ngoan.
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	9,0	9,0	9,0	9,0		9,5	7,5	8,6	8.4			Học giỏi, chăm ngoan.
31	Trương Huỳnh Như	10,0	10,0	10,0	9,0		9,0	7,0	8,7	8.5			Học giỏi, chăm ngoan.
32	Võ Minh Nhựt	10,0	10,0	10,0	9,0		9,8	8,3	9,3	8.8			Học giỏi, chăm ngoan.
33	Lương Thành Phong	10,0	9,0	10,0	9,0		9,5	6,3	8,4	8.2			Học giỏi, chăm ngoan.
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	7,0	7,0	7,0	9,0		10,0	7,8	8,2	7.9			Học giỏi, chăm ngoan.
35	Nguyễn Hoàng Sơn	10,0	6,0	9,0	9,0		9,0	8,8	8,7	7.9			Học giỏi, chăm ngoan.
36	Nguyễn Văn Thanh	9,0	9,0	7,0	8,0		8,5	7,0	7,9	7.5			Học khá, cần cố gắng.
37	Nguyễn Nhật Phúc Thuận	9,0	7,0	9,0	9,0		9,5	7,5	8,4	7.7			Học giỏi, chăm ngoan.
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	9,0	9,0	9,0	9,0		9,5	8,3	8,9	8.5			Học giỏi, chăm ngoan.
39	Nguyễn Thị Kim Thử	10,0	5,0	10,0	10,0		8,8	5,8	7,8	7.8			Học khá, cần cố gắng.
40	Lê Thị Bích Tiền	10,0	9,0	8,0	9,0		9,8	5,0	7,8	7.9			Học khá, cần cố gắng.
41	Võ Thị Huyền Trang	7,0	9,0	7,0	9,0		8,8	6,0	7,5	7.2			Học khá, cần cố gắng.
42	Đinh Thái Tú	10,0	10,0	10,0	9,0		9,8	9,5	9,7	9.5			Học giỏi, chăm ngoan.
43	Nguyễn Tấn Vàng	10,0	9,0	10,0	9,0		10,0	5,8	8,4	8.4			Học giỏi, chăm ngoan.
44	Nguyễn Ngọc An Viên	9,0	9,0	7,0	9,0		7,8	5,3	7,3	6.8			Học khá, cần cố gắng.
45	Nguyễn Thị Trí Vy	9,0	10,0	9,0	9,0		9,3	8,3	8,9	8.3			Học giỏi, chăm ngoan.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thanh Tâm

Hóa học HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Phạm Phúc An	8,0	9,0	9,0	9,0		8,0	9,8	8,9	8.9			Học giỏi, chăm ngoan
2	Phan Gia Bảo	8,0	7,0	8,0	9,0		6,0	8,5	7,7	7.8			Học khá, cần cố gắng.
3	Phan Thành Bảo	8,0	10,0	9,0	5,0		8,0	7,0	7,7	7.8			Học khá, cần cố gắng.
4	Hồ Quốc Bình	9,0	10,0	10,0	10,0		10,0	10,0	9,9	9.9			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
5	Nguyễn Thành Công	9,0	10,0	9,0	9,0		9,5	9,8	9,5	9.4			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
6	Bùi Quốc Dũng	8,0	9,0	9,0	9,0		7,5	9,3	8,7	8.7			Học giỏi, chăm ngoan
7	Lê Thị Thanh Đào	8,0	10,0	9,0	9,0		9,5	9,8	9,4	9.2			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
8	Huỳnh Bảo Đạt	8,0	10,0	9,0	9,0		9,0	9,8	9,3	9.2			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
9	Nguyễn Thành Đạt	9,0	10,0	10,0	10,0		9,5	10,0	9,8	9.7			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
10	Văn Thành Đạt	8,0	9,0	9,0	6,0		6,5	7,8	7,6	7.8			Học khá, cần cố gắng.
11	Trần Thị Hồng Gấm	9,0	10,0	10,0	10,0		10,0	10,0	9,9	9.9			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
12	Lê Gia Hân	9,0	10,0	10,0	10,0		10,0	9,8	9,8	9.6			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	10,0	9,0	9,0		8,5	9,8	9,2	8.9			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	10,0	9,0	9,0		8,0	9,3	8,9	8.8			Học giỏi, chăm ngoan
15	Nguyễn Minh Hậu	7,0	8,0	9,0	9,0		5,5	9,5	8,1	7.7			Học giỏi, chăm ngoan
16	Trương Lê Xuân Hoa	9,0	10,0	10,0	10,0		10,0	10,0	9,9	9.9			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
17	Đoàn Mai Hoàng	8,0	10,0	9,0	9,0		7,5	9,8	8,9	8.8			Học giỏi, chăm ngoan
18	Nguyễn Võ Đan Huy	8,0	7,0	9,0	9,0		6,5	10,0	8,4	8.4			Học giỏi, chăm ngoan
19	Bùi Nhật Huy	8,0	9,0	9,0	8,0		6,0	9,0	8,1	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
20	Huỳnh Văn Huy	7,0	10,0	9,0	9,0		8,5	9,8	9,0	9.0			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	9,0	10,0	10,0	10,0		10,0	9,8	9,8	9.8			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
22	Huỳnh Nhật Khánh	8,0	10,0	9,0	6,0		9,0	7,8	8,3	8.8			Học giỏi, chăm ngoan
23	Lê Đăng Khoa	8,0	10,0	8,0	9,0		9,0	8,5	8,7	8.4			Học giỏi, chăm ngoan
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	8,0	10,0	9,0	9,0		8,0	9,5	8,9	8.7			Học giỏi, chăm ngoan
25	Nguyễn Thị Thúy Kiều	8,0	10,0	9,0	8,0		8,0	8,8	8,6	8.6			Học giỏi, chăm ngoan
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	8,0	10,0	9,0	9,0		9,0	9,5	9,2	9.2			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
27	Phạm Minh Nhân	8,0	7,0	8,0	7,0		6,5	8,0	7,4	6.9			Học khá, cần cố gắng.
28	Nguyễn Trọng Nhân	8,0	10,0	9,0	9,0		7,5	9,8	8,9	8.7			Học giỏi, chăm ngoan
29	Trần Thị Cẩm Nhung	8,0	8,0	9,0	9,0		7,5	9,5	8,6	8.4			Học giỏi, chăm ngoan
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	8,0	10,0	9,0	9,0		9,5	9,8	9,4	9.3			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
31	Trương Huỳnh Như	8,0	10,0	9,0	9,0		8,5	9,5	9,1	8.9			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
32	Võ Minh Nhựt	8,0	10,0	9,0	9,0		8,0	9,8	9,0	8.8			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
33	Lương Thành Phong	9,0	10,0	10,0	10,0		10,0	9,8	9,8	9.8			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	8,0	10,0	9,0	9,0		9,5	9,8	9,4	9.3			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
35	Nguyễn Hoàng Sơn	8,0	10,0	9,0	9,0		9,0	9,5	9,2	8.7			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
36	Nguyễn Văn Thanh	8,0	9,0	9,0	8,0		8,5	8,8	8,6	8.1			Học giỏi, chăm ngoan
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận	7,0	10,0	9,0	9,0		9,0	9,8	9,2	8.9			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	8,0	10,0	9,0	9,0		9,0	9,8	9,3	9.0			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
39	Nguyễn Thị Kim Thử	8,0	9,0	9,0	9,0		6,5	9,5	8,5	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
40	Lê Thị Bích Tiền	8,0	10,0	10,0	10,0		10,0	9,8	9,7	9.7			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
41	Võ Thị Huyền Trang	8,0	10,0	10,0	6,0		7,5	8,0	8,1	7.9			Học giỏi, chăm ngoan
42	Đinh Thái Tú	8,0	8,0	9,0	9,0		8,0	9,8	8,8	8.9			Học giỏi, chăm ngoan
43	Nguyễn Tấn Vãng	8,0	9,0	9,0	8,0		7,5	9,0	8,4	8.5			Học giỏi, chăm ngoan
44	Nguyễn Ngọc An Viên	9,0	10,0	10,0	10,0		9,5	10,0	9,8	9.8			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
45	Nguyễn Thị Trí Vy	9,0	10,0	10,0	10,0		10,0	10,0	9,9	9.8			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hữu Tân

Sinh học HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Phạm Phúc An	7,5	9,0	9,0			8,8	7,0	8,0	8.1			Học Tốt
2	Phan Gia Bảo	9,0	9,0	9,0			6,8	8,0	8,1	7.4			Học Tốt
3	Phan Thành Bảo	7,5	9,0	9,0			4,3	6,5	6,7	7.0			Học Khá
4	Hồ Quốc Bình	9,5	8,5	10,0			9,3	9,0	9,2	8.7			Học Tốt
5	Nguyễn Thành Công	7,5	9,0	10,0			5,0	7,5	7,4	7.6			Học Khá
6	Bùi Quốc Dũng	8,5	9,0	10,0			5,5	8,8	8,1	8.1			Học Tốt
7	Lê Thị Thanh Đào	10,0	8,5	10,0			8,5	9,3	9,2	9.1			Học Tốt
8	Huỳnh Bảo Đạt	9,5	9,0	10,0			9,8	9,0	9,4	8.7			Học Tốt
9	Nguyễn Thành Đạt	8,0	9,0	9,0			4,8	8,0	7,5	7.0			Học Khá
10	Vân Thành Đạt	6,0	9,0	10,0			7,5	9,3	8,5	7.9			Học Tốt
11	Trần Thị Hồng Gấm	5,0	8,5	10,0			4,0	8,8	7,2	7.4			Học Khá
12	Lê Gia Hân	10,0	9,0	9,0			7,3	9,5	8,9	8.6			Học Tốt
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	5,0	8,5	10,0			4,5	7,3	6,8	7.1			Học Khá
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,5	10,0	10,0			8,8	8,0	8,9	8.6			Học Tốt
15	Nguyễn Minh Hậu	7,5	9,0	9,0			8,3	9,3	8,8	8.4			Học Tốt
16	Trương Lê Xuân Hoa	9,0	8,0	10,0			8,5	9,0	8,9	8.7			Học Tốt
17	Đoàn Mai Hoàng	10,0	9,0	9,0			8,0	8,8	8,8	8.5			Học Tốt
18	Nguyễn Võ Đan Huy	9,0	10,0	10,0			8,3	8,0	8,7	8.3			Học Tốt
19	Bùi Nhật Huy	10,0	9,0	9,0			5,5	8,5	8,1	7.9			Học Tốt
20	Huỳnh Văn Huy	5,0	9,0	9,0			3,5	6,8	6,3	7.0			Học Khá
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	10,0	9,0	10,0			10,0	9,3	9,6	8.7			Học Tốt
22	Huỳnh Nhật Khánh	9,0	8,0	10,0			7,5	8,8	8,6	8.2			Học Tốt
23	Lê Đăng Khoa	7,0	8,0	9,0			5,0	6,0	6,5	6.7			Học Khá
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	9,5	9,0	10,0			6,8	9,5	8,8	8.5			Học Tốt
25	Nguyễn Thị Thủy Kiều	5,0	8,5	10,0			6,3	8,0	7,5	7.4			Học Khá
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	10,0	9,5	10,0			9,3	9,3	9,5	9.1			Học Tốt
27	Phạm Minh Nhân	6,0	7,0	8,0			8,5	6,3	7,1	6.7			Học Khá
28	Nguyễn Trọng Nhân	5,0	10,0	10,0			8,8	8,8	8,6	7.9			Học Tốt
29	Trần Thị Cẩm Nhung	9,0	8,5	9,0			6,0	9,5	8,4	7.7			Học Tốt
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	10,0	9,0	10,0			7,3	9,5	9,0	8.7			Học Tốt
31	Trương Huỳnh Như	7,0	10,0	10,0			8,5	9,3	9,0	8.4			Học Tốt
32	Võ Minh Nhựt	8,5	9,0	10,0			9,8	9,8	9,6	8.7			Học Tốt
33	Lương Thành Phong	6,0	8,5	9,0			6,5	9,3	8,1	7.6			Học Tốt
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	7,0	9,0	9,0			8,0	8,0	8,1	7.6			Học Tốt
35	Nguyễn Hoàng Sơn	8,0	9,0	9,0			6,5	9,5	8,4	7.8			Học Tốt
36	Nguyễn Văn Thanh	7,0	10,0	10,0			5,5	6,3	7,1	7.0			Học Khá
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận	10,0	9,0	10,0			8,8	8,3	8,9	8.5			Học Tốt
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	10,0	9,0	10,0			8,5	9,5	9,3	9.1			Học Tốt
39	Nguyễn Thị Kim Thử	10,0	8,5	10,0			5,5	7,5	7,8	7.9			Học Khá
40	Lê Thị Bích Tiền	8,0	8,0	10,0			6,5	9,0	8,3	7.8			Học Tốt
41	Võ Thị Huyền Trang	9,5	9,0	10,0			7,8	8,5	8,7	8.0			Học Tốt
42	Đinh Thái Tú	10,0	9,0	10,0			9,3	9,8	9,6	8.9			Học Tốt
43	Nguyễn Tấn Vãng	9,5	8,5	10,0			9,0	9,8	9,4	8.3			Học Tốt
44	Nguyễn Ngọc An Viên	9,5	8,0	8,0			7,0	5,0	6,8	6.6			Học Khá
45	Nguyễn Thị Trí Vy	10,0	9,0	9,0			8,0	9,5	9,1	8.7			Học Tốt

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thùy Linh, Phạm Thị Thu, Nguyễn Thị Mai Hồng

HỌC KỲ II														
Ngữ văn		(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú	
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn		
1	Phạm Phúc An	8,0	8,0	5,0	7,0		4,5	5,0	5,8	5.9			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
2	Phan Gia Bảo	7,0	8,0	7,0	7,0		5,0	6,0	6,3	6.2			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
3	Phan Thành Bảo	6,0	6,0	6,0	7,0		4,5	4,0	5,1	5.0			Cần cố gắng hơn	
4	Hồ Quốc Bình	10,0	10,0	7,0	10,0		6,0	5,5	7,3	7.2			Học khá	
5	Nguyễn Thành Công	6,0	2,0	6,0	6,0		5,5	5,0	5,1	5.4			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
6	Bùi Quốc Dũng	8,0	7,0	5,0	7,0		5,0	4,5	5,6	5.7			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
7	Lê Thị Thanh Đào	10,0	10,0	8,0	10,0		7,0	6,5	7,9	7.4			Học khá	
8	Huỳnh Bảo Đạt	8,0	9,0	7,0	8,0		5,0	6,0	6,7	6.8			Học khá	
9	Nguyễn Thành Đạt	6,0	2,0	6,0	6,0		4,0	4,0	4,4	4.7			Cần cố gắng hơn	
10	Văn Thành Đạt	7,0	7,0	6,0	7,0		4,5	4,0	5,3	5.2			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
11	Trần Thị Hồng Gấm	7,0	7,0	6,0	7,0		5,5	5,0	5,9	6.0			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
12	Lê Gia Hân	8,0	7,0	7,0	8,0		6,0	5,0	6,3	6.3			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	7,0	7,0	7,0		5,5	5,0	6,1	6.0			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10,0	9,0	7,0	10,0		5,5	5,0	6,9	6.6			Học khá	
15	Nguyễn Minh Hậu	7,0	7,0	7,0	8,0		5,0	3,0	5,3	5.0			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
16	Trương Lê Xuân Hoa	8,0	10,0	6,0	8,0		5,5	6,0	6,8	6.8			Học khá	
17	Đoàn Mai Hoàng	8,0	7,0	7,0	8,0		6,5	5,0	6,4	6.5			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
18	Nguyễn Võ Đan Huy	8,0	8,0	8,0	8,0		5,5	5,5	6,6	6.5			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
19	Bùi Nhật Huy	8,0	7,0	8,0	8,0		5,5	5,0	6,3	6.1			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
20	Huỳnh Văn Huy	6,0	3,0	5,0	6,0		5,0	4,5	4,8	5.2			Cần cố gắng hơn	
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	10,0	10,0	9,0	10,0		6,0	6,5	7,8	7.5			Học khá	
22	Huỳnh Nhật Khánh	10,0	10,0	9,0	10,0		6,5	5,0	7,4	7.3			Học khá	
23	Lê Đăng Khoa	7,0	2,0	6,0	7,0		4,0	5,0	5,0	5.1			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	6,0	6,0	7,0	6,0		5,0	5,5	5,7	5.7			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
25	Nguyễn Thị Thủy Kiều	8,0	7,0	7,0	7,0		6,0	6,0	6,6	6.8			Học khá	
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	9,0	10,0	8,0	9,0		6,5	7,0	7,8	7.5			Học khá	
27	Phạm Minh Nhân	7,0	7,0	5,0	7,0		4,0	4,0	5,1	4.8			Cần cố gắng hơn	
28	Nguyễn Trọng Nhân	7,0	8,0	5,0	7,0		3,5	6,0	5,8	5.7			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
29	Trần Thị Cẩm Nhung	10,0	10,0	8,0	10,0		5,5	5,0	7,1	6.9			Học khá	
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	8,0	6,0	6,0	8,0		5,0	5,0	5,9	6.0			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
31	Trương Huỳnh Như	8,0	7,0	7,0	8,0		5,0	5,5	6,3	6.2			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
32	Võ Minh Nhựt	10,0	10,0	8,0	10,0		5,5	6,0	7,4	7.0			Học khá	
33	Lương Thành Phong	10,0	10,0	7,0	10,0		7,0	6,0	7,7	7.5			Học khá	
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	7,0	7,0	7,0	7,0		6,0	4,5	5,9	6.0			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
35	Nguyễn Hoàng Sơn	8,0	9,0	8,0	8,0		5,0	5,0	6,4	6.1			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
36	Nguyễn Văn Thanh	8,0	7,0	7,0	8,0		4,5	4,5	5,8	5.7			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận	8,0	6,0	5,0	7,0		5,0	5,0	5,7	5.6			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	8,0	9,0	8,0	8,0		6,0	5,5	6,8	6.8			Học khá	
39	Nguyễn Thị Kim Thử	8,0	6,0	7,0	7,0		6,0	5,5	6,3	6.2			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
40	Lê Thị Bích Tiền	8,0	7,0	6,0	8,0		5,5	6,0	6,4	6.1			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
41	Võ Thị Huyền Trang	8,0	8,0	6,0	7,0		5,5	6,0	6,4	6.1			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
42	Đinh Thái Tú	10,0	10,0	8,0	10,0		6,5	5,0	7,3	7.1			Học khá	
43	Nguyễn Tấn Vãng	10,0	10,0	8,0	10,0		7,5	6,5	8,1	7.6			Học khá	
44	Nguyễn Ngọc An Viên	7,0	7,0	6,0	7,0		5,5	6,0	6,2	6.1			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
45	Nguyễn Thị Trí Vy	8,0	7,0	8,0	8,0		5,5	5,0	6,3	6.1			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Vân

HỌC KỲ II Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Phạm Phúc An	10,0	10,0	10,0			7,0	9,5	9,1	8.5			Học tốt, chăm ngoan.
2	Phan Gia Bảo	10,0	10,0	10,0			6,5	9,8	9,1	8.1			Học tốt, chăm ngoan.
3	Phan Thành Bảo	7,0	8,0	8,0			7,8	7,0	7,5	7.0			Học khá, chăm ngoan.
4	Hồ Quốc Bình	10,0	10,0	10,0			8,0	10,0	9,5	9.3			Học tốt, chăm ngoan.
5	Nguyễn Thành Công	10,0	10,0	10,0			6,5	8,8	8,7	8.9			Học tốt, chăm ngoan.
6	Bùi Quốc Dũng	10,0	8,0	8,0			7,3	9,3	8,6	8.2			Học tốt, chăm ngoan.
7	Lê Thị Thanh Đào	10,0	10,0	10,0			7,8	9,5	9,3	8.9			Học tốt, chăm ngoan.
8	Huỳnh Bảo Đạt	10,0	10,0	10,0			9,0	9,3	9,5	9.2			Học tốt, chăm ngoan.
9	Nguyễn Thành Đạt	9,0	9,0	9,0			7,0	9,0	8,5	7.7			Học tốt, chăm ngoan.
10	Văn Thành Đạt	9,0	10,0	10,0			6,5	9,3	8,7	8.2			Học tốt, chăm ngoan.
11	Trần Thị Hồng Gấm	7,0	8,0	8,0			7,8	8,5	8,0	7.5			Học tốt, chăm ngoan.
12	Lê Gia Hân	9,0	10,0	10,0			7,3	9,3	8,9	7.7			Học tốt, chăm ngoan.
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7,0	8,0	8,0			6,8	8,5	7,8	7.4			Học khá, chăm ngoan.
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10,0	8,0	8,0			7,3	9,0	8,5	8.7			Học tốt, chăm ngoan.
15	Nguyễn Minh Hậu	10,0	8,0	8,0			7,5	9,5	8,7	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
16	Trương Lê Xuân Hoa	10,0	8,0	8,0			9,5	8,8	8,9	8.7			Học tốt, chăm ngoan.
17	Đoàn Mai Hoàng	10,0	8,0	8,0			7,5	7,8	8,1	7.7			Học tốt, chăm ngoan.
18	Nguyễn Võ Đan Huy	10,0	10,0	10,0			8,0	9,5	9,3	9.1			Học tốt, chăm ngoan.
19	Bùi Nhật Huy	10,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,6	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
20	Huỳnh Văn Huy	7,0	8,0	8,0			6,8	8,8	7,9	7.6			Học khá, chăm ngoan.
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	7,0	10,0	10,0			9,5	9,5	9,3	9.2			Học tốt, chăm ngoan.
22	Huỳnh Nhật Khánh	10,0	9,0	9,0			7,0	9,3	8,7	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
23	Lê Đăng Khoa	10,0	9,0	9,0			6,5	9,8	8,8	7.7			Học tốt, chăm ngoan.
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	10,0	10,0	10,0			5,5	8,8	8,4	7.6			Học tốt, chăm ngoan.
25	Nguyễn Thị Thủy Kiều	7,0	9,0	9,0			8,8	9,3	8,8	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	10,0	10,0	10,0			9,8	9,8	9,9	9.6			Học tốt, chăm ngoan.
27	Phạm Minh Nhân	10,0	9,0	9,0			7,5	6,5	7,8	7.3			Học khá, chăm ngoan.
28	Nguyễn Trọng Nhân	8,0	10,0	10,0			7,5	9,5	8,9	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
29	Trần Thị Cẩm Nhung	10,0	10,0	10,0			6,8	9,5	9,0	8.2			Học tốt, chăm ngoan.
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	9,0	10,0	10,0			7,0	9,5	8,9	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
31	Trương Huỳnh Như	9,0	9,0	9,0			8,5	9,8	9,2	9.1			Học tốt, chăm ngoan.
32	Võ Minh Nhựt	7,0	8,0	8,0			9,8	9,8	9,0	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
33	Lương Thành Phong	10,0	10,0	10,0			8,5	10,0	9,6	9.2			Học tốt, chăm ngoan.
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	10,0	9,0	9,0			7,5	9,5	8,9	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
35	Nguyễn Hoàng Sơn	7,0	8,0	8,0			7,0	9,0	8,0	7.3			Học tốt, chăm ngoan.
36	Nguyễn Văn Thanh	9,0	9,0	9,0			8,0	8,5	8,6	7.8			Học tốt, chăm ngoan.
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận	10,0	10,0	10,0			7,5	9,5	9,2	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	10,0	10,0	10,0			7,5	9,0	9,0	8.7			Học tốt, chăm ngoan.
39	Nguyễn Thị Kim Thử	7,0	9,0	9,0			8,8	9,5	8,9	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
40	Lê Thị Bích Tiền	9,0	8,0	8,0			7,3	8,3	8,1	7.6			Học tốt, chăm ngoan.
41	Võ Thị Huyền Trang	10,0	8,0	8,0			8,5	8,8	8,7	8.2			Học tốt, chăm ngoan.
42	Đinh Thái Tú	10,0	8,0	8,0			9,0	9,5	9,1	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
43	Nguyễn Tấn Vãng	10,0	8,0	8,0			9,0	9,3	9,0	8.9			Học tốt, chăm ngoan.
44	Nguyễn Ngọc An Viên	10,0	9,0	9,0			7,0	7,8	8,2	7.6			Học tốt, chăm ngoan.
45	Nguyễn Thị Trí Vy	9,0	10,0	10,0			8,8	9,8	9,5	8.1			Học tốt, chăm ngoan.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Văn Trọng Trí, Nguyễn Thị Lệ Huyền

HỌC KỲ II Ngọai ngữ 1 (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Phạm Phúc An	9,0	4,5	6,0	6,0		6,3	8,2	7,0	6.8			Học khá tốt
2	Phan Gia Bảo	7,0	4,5	6,0	7,0		3,5	5,0	5,2	5.0			Có cố gắng
3	Phan Thành Bảo	7,0	4,5	6,0	6,0		4,3	7,0	5,9	5.7			Có cố gắng
4	Hồ Quốc Bình	8,0	7,0	8,0	8,0		8,8	8,4	8,2	7.9			Học giỏi, chăm ngoan
5	Nguyễn Thành Công	7,0	4,5	10,0	7,0		6,5	5,8	6,5	6.3			Học khá tốt
6	Bùi Quốc Dũng	9,0	6,5	7,0	7,0		8,8	8,4	8,0	7.8			Học giỏi, chăm ngoan
7	Lê Thị Thanh Đào	7,0	3,5	7,0	9,0		8,0	8,0	7,4	7.3			Học khá tốt
8	Huỳnh Bảo Đạt	9,0	4,0	6,0	7,0		7,3	8,2	7,2	7.0			Học khá tốt
9	Nguyễn Thành Đạt	7,0	2,0	5,0	7,0		4,8	7,2	5,8	6.0			Có cố gắng
10	Văn Thành Đạt	7,0	4,0	5,0	7,0		4,8	5,8	5,6	5.7			Có cố gắng
11	Trần Thị Hồng Gấm	9,0	5,5	6,0	7,0		6,0	7,6	6,9	6.9			Học khá tốt
12	Lê Gia Hân	7,0	4,0	10,0	7,0		8,5	9,6	8,2	8.0			Học giỏi, chăm ngoan
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	4,0	6,0	7,0		4,8	6,6	6,2	6.3			Có cố gắng
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	5,0	8,0	7,0		6,0	9,4	7,7	7.3			Học khá tốt
15	Nguyễn Minh Hậu	9,0	3,5	6,0	7,0		5,0	6,4	6,1	6.2			Có cố gắng
16	Trương Lê Xuân Hoa	9,0	7,0	7,0	9,0		7,5	8,8	8,2	7.9			Học giỏi, chăm ngoan
17	Đoàn Mai Hoàng	9,0	4,0	5,0	7,0		6,0	8,2	6,8	6.2			Học khá tốt
18	Nguyễn Võ Đan Huy	8,0	5,0	8,0	9,0		7,5	8,2	7,7	7.5			Học khá tốt
19	Bùi Nhật Huy	9,0	4,5	6,0	6,0		6,3	8,4	7,0	6.8			Học khá tốt
20	Huỳnh Văn Huy	9,0	6,0	5,0	5,0		7,5	8,2	7,2	7.1			Học khá tốt
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	8,0	5,5	7,0	7,0		6,5	7,8	7,1	7.2			Học khá tốt
22	Huỳnh Nhật Khánh	8,0	5,5	8,0	9,0		6,5	7,6	7,4	7.2			Học khá tốt
23	Lê Đăng Khoa	7,0	2,5	1,0	5,0		3,8	6,8	4,8	4.7			Cần cố gắng nhiều hơn
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	7,0	3,5	6,0	7,0		5,8	5,6	5,8	5.9			Có cố gắng
25	Nguyễn Thị Thủy Kiều	9,0	4,5	6,0	7,0		5,5	8,2	6,9	6.9			Học khá tốt
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	9,0	7,0	7,0	8,0		6,5	8,2	7,6	7.3			Học khá tốt
27	Phạm Minh Nhân	9,0	3,0	4,0	5,0		4,0	2,8	4,2	3.5			Cần cố gắng nhiều hơn
28	Nguyễn Trọng Nhân	7,0	4,0	6,0	7,0		5,8	6,8	6,2	5.9			Có cố gắng
29	Trần Thị Cẩm Nhung	7,0	5,5	9,0	8,0		4,3	8,2	7,0	6.8			Học khá tốt
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	7,0	5,0	10,0	8,0		8,3	7,4	7,6	7.5			Học khá tốt
31	Trương Huỳnh Như	9,0	4,5	4,0	6,0		6,0	8,6	6,8	6.8			Học khá tốt
32	Võ Minh Nhựt	8,0	2,5	6,0	7,0		3,3	6,8	5,6	5.6			Có cố gắng
33	Lương Thành Phong	8,0	5,0	7,0	7,0		5,8	7,6	6,8	7.0			Học khá tốt
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	7,0	1,5	6,0	7,0		6,0	8,0	6,4	6.2			Có cố gắng
35	Nguyễn Hoàng Sơn	8,0	3,0	7,0	7,0		3,0	8,4	6,2	6.3			Có cố gắng
36	Nguyễn Văn Thanh	9,0	2,5	6,0	7,0		3,5	6,4	5,6	5.6			Có cố gắng
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận	9,0	4,5	10,0	7,0		5,0	7,6	7,0	6.8			Học khá tốt
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	7,0	5,0	6,0	7,0		7,5	8,8	7,4	7.4			Học khá tốt
39	Nguyễn Thị Kim Thử	9,0	5,0	7,0	7,0		4,8	5,4	6,0	6.1			Có cố gắng
40	Lê Thị Bích Tiền	9,0	3,0	6,0	7,0		5,0	7,4	6,4	6.5			Có cố gắng
41	Võ Thị Huyền Trang	9,0	3,5	6,0	7,0		3,5	7,8	6,2	6.0			Có cố gắng
42	Đinh Thái Tú	8,0	6,0	6,0	7,0		4,0	8,0	6,6	6.3			Học khá tốt
43	Nguyễn Tấn Vàng	7,0	5,0	7,0	8,0		5,3	6,4	6,3	6.5			Có cố gắng
44	Nguyễn Ngọc An Viên	9,0	10,0	8,0	8,0		7,3	7,8	8,1	7.6			Học giỏi, chăm ngoan
45	Nguyễn Thị Trí Vy	7,0	5,0	5,0	6,0		6,5	7,4	6,5	7.1			Có cố gắng

Giáo viên môn học
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Hồng Thủy

Giáo Dục Quốc Phòng

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thu Hằng

HỌC KỲ II Công nghệ trồng trọt (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Phạm Phúc An	8,0	9,0	9,0			8,0	7,5	8,1	8.3			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
2	Phan Gia Bảo	9,0	8,0	10,0			7,0	8,5	8,3	8.4			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
3	Phan Thành Bảo	8,0	10,0	9,0			8,0	7,3	8,1	8.2			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
4	Hồ Quốc Bình	10,0	8,0	10,0			8,5	8,0	8,6	8.6			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
5	Nguyễn Thành Công	8,0	10,0	9,0			7,8	6,8	7,9	8.1			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
6	Bùi Quốc Dũng	9,0	8,0	9,0			7,3	8,3	8,2	8.4			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
7	Lê Thị Thanh Đào	8,0	10,0	10,0			7,5	7,5	8,2	8.5			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
8	Huỳnh Bảo Đạt	10,0	8,0	10,0			8,0	7,3	8,2	8.4			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
9	Nguyễn Thành Đạt	8,0	6,0	10,0			6,8	7,5	7,5	7.9			Có sự tiến bộ, học khá!
10	Văn Thành Đạt	9,0	8,0	10,0			7,5	7,0	7,9	8.1			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
11	Trần Thị Hồng Gấm	8,0	10,0	10,0			8,0	7,5	8,3	8.4			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
12	Lê Gia Hân	10,0	8,0	9,0			9,0	7,3	8,4	8.5			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	10,0	10,0			7,5	7,5	8,2	8.4			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10,0	8,0	9,0			8,3	7,8	8,4	8.4			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
15	Nguyễn Minh Hậu	8,0	7,0	8,0			7,3	7,0	7,3	7.8			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
16	Trương Lê Xuân Hoa	10,0	8,0	10,0			7,0	7,3	8,0	8.1			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
17	Đoàn Mai Hoàng	8,0	9,0	10,0			7,3	7,3	7,9	8.2			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
18	Nguyễn Võ Đan Huy	10,0	8,0	10,0			8,0	7,5	8,3	8.3			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
19	Bùi Nhật Huy	8,0	10,0	9,0			8,3	7,5	8,3	8.4			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
20	Huỳnh Văn Huy	9,0	8,0	6,0			7,5	7,3	7,5	7.9			Tích cực trong học tập
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	10,0	10,0	9,0			7,0	8,0	8,4	8.5			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
22	Huỳnh Nhật Khánh	8,0	9,0	10,0			7,8	8,0	8,3	8.6			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
23	Lê Đăng Khoa	8,0	8,0	8,0			6,8	7,8	7,6	7.6			Tích cực trong học tập
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	9,0	8,0	10,0			8,5	6,8	8,1	8.2			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
25	Nguyễn Thị Thủy Kiều	9,0	10,0	10,0			7,5	7,5	8,3	8.5			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	10,0	8,0	10,0			8,0	7,3	8,2	8.4			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
27	Phạm Minh Nhân	8,0	5,0	6,0			5,3	7,0	6,3	6.5			Có sự tiến bộ, học khá!
28	Nguyễn Trọng Nhân	10,0	8,0	10,0			8,5	7,3	8,4	8.5			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
29	Trần Thị Cẩm Nhung	8,0	10,0	10,0			7,0	8,3	8,4	8.6			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	10,0	8,0	10,0			9,0	7,5	8,6	8.7			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
31	Trương Huỳnh Như	8,0	10,0	10,0			7,3	8,5	8,5	8.6			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
32	Võ Minh Nhựt	10,0	8,0	10,0			8,3	8,5	8,8	8.8			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
33	Lương Thành Phong	8,0	10,0	10,0			7,3	8,3	8,4	8.6			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	10,0	8,0	9,0			7,8	7,5	8,1	8.2			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
35	Nguyễn Hoàng Sơn	8,0	10,0	10,0			8,8	6,5	8,1	7.9			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
36	Nguyễn Văn Thanh	10,0	8,0	8,0			8,3	7,0	8,0	8.2			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận	8,0	9,0	8,0			8,0	7,0	7,8	8.1			Tích cực trong học tập
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	10,0	8,0	10,0			8,8	7,0	8,3	8.5			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
39	Nguyễn Thị Kim Thử	8,0	10,0	10,0			7,3	8,0	8,3	8.5			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
40	Lê Thị Bích Tiền	10,0	8,0	10,0			7,3	6,8	7,9	8.0			Tích cực trong học tập
41	Võ Thị Huyền Trang	8,0	10,0	9,0			8,0	7,3	8,1	8.2			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
42	Đinh Thái Tú	10,0	8,0	10,0			8,3	8,5	8,8	8.8			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
43	Nguyễn Tấn Vãng	8,0	10,0	10,0			5,0	8,3	7,9	8.2			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
44	Nguyễn Ngọc An Viên	10,0	8,0	10,0			6,0	6,3	7,4	7.6			Tích cực trong học tập
45	Nguyễn Thị Trí Vy	8,0	10,0	8,0			8,3	7,3	8,1	8.4			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thanh Phong

Giáo dục thể chất

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Hồng Hải

HỌC KỲ II														
Giáo dục địa phương (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)														
STT	Họ và tên	Mức đánh giá										Ghi Chú		
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)												
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại			
											Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)	Học kỳ	Cuối năm	
1	Phạm Phúc An	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
2	Phan Gia Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
3	Phan Thành Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
4	Hồ Quốc Bình	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
5	Nguyễn Thành Công	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
6	Bùi Quốc Dũng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
7	Lê Thị Thanh Đào	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
8	Huỳnh Bảo Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
9	Nguyễn Thành Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
10	Văn Thành Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
11	Trần Thị Hồng Gấm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
12	Lê Gia Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
15	Nguyễn Minh Hậu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
16	Trương Lê Xuân Hoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
17	Đoàn Mai Hoàng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
18	Nguyễn Võ Đan Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
19	Bùi Nhật Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
20	Huỳnh Văn Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
22	Huỳnh Nhật Khánh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
23	Lê Đăng Khoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
25	Nguyễn Thị Thúy Kiều	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
27	Phạm Minh Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
28	Nguyễn Trọng Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
29	Trần Thị Cẩm Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
31	Trương Huỳnh Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
32	Võ Minh Nhựt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
33	Lương Thành Phong	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
35	Nguyễn Hoàng Sơn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
36	Nguyễn Văn Thanh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
39	Nguyễn Thị Kim Thử	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
40	Lê Thị Bích Tiền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
41	Võ Thị Huyền Trang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
42	Đinh Thái Tú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
43	Nguyễn Tấn Vàng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
44	Nguyễn Ngọc An Viên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	
45	Nguyễn Thị Trí Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thùy Dương, Nguyễn Thị Lệ Huyền

HĐTrN-HN (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)										Ghi Chú	
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại		
											Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)		Học kỳ
1	Phạm Phúc An	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoạt động
2	Phan Gia Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoạt động
3	Phan Thành Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoạt động
4	Hồ Quốc Bình	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Có ý thức học tập, ngoan
5	Nguyễn Thành Công	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoạt động
6	Bùi Quốc Dũng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Có ý thức học tập, ngoan
7	Lê Thị Thanh Đào	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ trong học tập, ngoan
8	Huỳnh Bảo Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoạt động
9	Nguyễn Thành Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoạt động
10	Văn Thành Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoạt động
11	Trần Thị Hồng Gấm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Có ý thức học tập, ngoan
12	Lê Gia Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Có ý thức học tập, ngoan
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ trong học tập, ngoan
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ trong học tập, ngoan
15	Nguyễn Minh Hậu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoạt động
16	Trương Lê Xuân Hoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Có ý thức học tập, ngoan
17	Đoàn Mai Hoàng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoạt động
18	Nguyễn Võ Đan Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Có ý thức học tập, ngoan
19	Bùi Nhật Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoạt động
20	Huỳnh Văn Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoạt động
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Có ý thức học tập, ngoan
22	Huỳnh Nhật Khánh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Có ý thức học tập, ngoan
23	Lê Đăng Khoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoạt động
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoạt động
25	Nguyễn Thị Thủy Kiều	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Có ý thức học tập, ngoan
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ trong học tập, ngoan
27	Phạm Minh Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoạt động
28	Nguyễn Trọng Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Có ý thức học tập, ngoan
29	Trần Thị Cẩm Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ trong học tập, ngoan
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ trong học tập, ngoan
31	Trương Huỳnh Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Có ý thức học tập, ngoan
32	Võ Minh Nhựt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoạt động
33	Lương Thành Phong	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoạt động
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoạt động
35	Nguyễn Hoàng Sơn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Có ý thức học tập, ngoan
36	Nguyễn Văn Thanh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Có ý thức học tập, ngoan
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ trong học tập, ngoan
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ trong học tập, ngoan
39	Nguyễn Thị Kim Thử	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ trong học tập, ngoan
40	Lê Thị Bích Tiền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Có ý thức học tập, ngoan
41	Võ Thị Huyền Trang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Có ý thức học tập, ngoan
42	Đinh Thái Tú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoạt động
43	Nguyễn Tấn Vãng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Có ý thức học tập, ngoan
44	Nguyễn Ngọc An Viên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Có ý thức học tập, ngoan
45	Nguyễn Thị Trí Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Có ý thức học tập, ngoan

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thanh Phong, Trần Thanh Tâm

TỔNG HỢP HỌC KỲ II

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Công nghệ trồng trọt		
1	Phạm Phúc An	Đ	Đ	Đ	8,0	8,1	8,9	8,0	5,8	9,1	7,0	7,1	8,1	K	T
2	Phan Gia Bảo	Đ	Đ	Đ	7,6	7,0	7,7	8,1	6,3	9,1	5,2	8,3	8,3	K	T
3	Phan Thành Bảo	Đ	Đ	Đ	7,0	7,3	7,7	6,7	5,1	7,5	5,9	7,3	8,1	K	T
4	Hồ Quốc Bình	Đ	Đ	Đ	9,1	8,6	9,9	9,2	7,3	9,5	8,2	8,1	8,6	T	T
5	Nguyễn Thành Công	Đ	Đ	Đ	6,9	8,8	9,5	7,4	5,1	8,7	6,5	7,3	7,9	K	T
6	Bùi Quốc Dũng	Đ	Đ	Đ	7,7	8,3	8,7	8,1	5,6	8,6	8,0	7,3	8,2	K	T
7	Lê Thị Thanh Đào	Đ	Đ	Đ	7,9	8,8	9,4	9,2	7,9	9,3	7,4	8,1	8,2	T	T
8	Huỳnh Bảo Đạt	Đ	Đ	Đ	7,5	8,8	9,3	9,4	6,7	9,5	7,2	8,1	8,2	T	T
9	Nguyễn Thành Đạt	Đ	Đ	Đ	7,1	7,3	9,8	7,5	4,4	8,5	5,8	6,6	7,5	Đ	T
10	Văn Thành Đạt	Đ	Đ	Đ	6,9	7,3	7,6	8,5	5,3	8,7	5,6	7,7	7,9	K	T
11	Trần Thị Hồng Gấm	Đ	Đ	Đ	7,9	8,8	9,9	7,2	5,9	8,0	6,9	7,9	8,3	K	T
12	Lê Gia Hân	Đ	Đ	Đ	8,6	8,6	9,8	8,9	6,3	8,9	8,2	8,0	8,4	K	T
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	7,9	7,8	9,2	6,8	6,1	7,8	6,2	7,4	8,2	K	T
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	7,6	8,7	8,9	8,9	6,9	8,5	7,7	8,4	8,4	T	T
15	Nguyễn Minh Hậu	Đ	Đ	Đ	6,5	8,2	8,1	8,8	5,3	8,7	6,1	5,6	7,3	K	T
16	Trương Lê Xuân Hoa	Đ	Đ	Đ	8,9	8,3	9,9	8,9	6,8	8,9	8,2	7,7	8,0	T	T
17	Đoàn Mai Hoàng	Đ	Đ	Đ	7,2	8,4	8,9	8,8	6,4	8,1	6,8	8,3	7,9	K	T
18	Nguyễn Võ Đan Huy	Đ	Đ	Đ	8,6	8,7	8,4	8,7	6,6	9,3	7,7	8,4	8,3	T	T
19	Bùi Nhật Huy	Đ	Đ	Đ	7,0	8,0	8,1	8,1	6,3	9,6	7,0	7,6	8,3	K	T
20	Huỳnh Văn Huy	Đ	Đ	Đ	6,6	7,7	9,0	6,3	4,8	7,9	7,2	7,1	7,5	Đ	T
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	Đ	Đ	Đ	8,6	8,8	9,8	9,6	7,8	9,3	7,1	8,7	8,4	T	T
22	Huỳnh Nhật Khánh	Đ	Đ	Đ	7,2	8,2	8,3	8,6	7,4	8,7	7,4	9,0	8,3	T	T
23	Lê Đăng Khoa	Đ	Đ	Đ	6,2	7,7	8,7	6,5	5,0	8,8	4,8	8,0	7,6	Đ	T
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	Đ	Đ	Đ	8,0	7,7	8,9	8,8	5,7	8,4	5,8	7,3	8,1	K	T
25	Nguyễn Thị Thúy Kiều	Đ	Đ	Đ	6,5	8,2	8,6	7,5	6,6	8,8	6,9	8,6	8,3	K	T
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	Đ	Đ	Đ	8,4	8,9	9,2	9,5	7,8	9,9	7,6	8,9	8,2	T	T
27	Phạm Minh Nhân	Đ	Đ	Đ	5,6	6,6	7,4	7,1	5,1	7,8	4,2	5,0	6,3	Đ	T
28	Nguyễn Trọng Nhân	Đ	Đ	Đ	7,2	8,3	8,9	8,6	5,8	8,9	6,2	7,3	8,4	K	T
29	Trần Thị Cẩm Nhung	Đ	Đ	Đ	7,6	8,6	8,6	8,4	7,1	9,0	7,0	8,0	8,4	T	T
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	Đ	Đ	Đ	8,7	8,6	9,4	9,0	5,9	8,9	7,6	7,9	8,6	K	T
31	Trương Huỳnh Như	Đ	Đ	Đ	7,7	8,7	9,1	9,0	6,3	9,2	6,8	8,3	8,5	K	T
32	Vô Minh Nhựt	Đ	Đ	Đ	8,5	9,3	9,0	9,6	7,4	9,0	5,6	8,3	8,8	K	T
33	Lương Thành Phong	Đ	Đ	Đ	9,0	8,4	9,8	8,1	7,7	9,6	6,8	8,7	8,4	T	T
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	Đ	Đ	Đ	6,5	8,2	9,4	8,1	5,9	8,9	6,4	7,6	8,1	K	T
35	Nguyễn Hoàng Sơn	Đ	Đ	Đ	6,8	8,7	9,2	8,4	6,4	8,0	6,2	8,3	8,1	K	T
36	Nguyễn Văn Thanh	Đ	Đ	Đ	8,1	7,9	8,6	7,1	5,8	8,6	5,6	7,7	8,0	K	T
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận	Đ	Đ	Đ	7,0	8,4	9,2	8,9	5,7	9,2	7,0	6,7	7,8	K	T
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	Đ	Đ	Đ	7,6	8,9	9,3	9,3	6,8	9,0	7,4	7,9	8,3	K	T
39	Nguyễn Thị Kim Thù	Đ	Đ	Đ	7,3	7,8	8,5	7,8	6,3	8,9	6,0	7,7	8,3	K	T
40	Lê Thị Bích Tiên	Đ	Đ	Đ	7,4	7,8	9,7	8,3	6,4	8,1	6,4	7,4	7,9	K	T
41	Vô Thị Huyền Trang	Đ	Đ	Đ	7,2	7,5	8,1	8,7	6,4	8,7	6,2	8,1	8,1	K	T
42	Đinh Thái Tú	Đ	Đ	Đ	8,7	9,7	8,8	9,6	7,3	9,1	6,6	8,3	8,8	T	T
43	Nguyễn Tấn Vàng	Đ	Đ	Đ	7,5	8,4	8,4	9,4	8,1	9,0	6,3	8,6	7,9	K	T
44	Nguyễn Ngọc An Viên	Đ	Đ	Đ	6,9	7,3	9,8	6,8	6,2	8,2	8,1	8,1	7,4	K	T
45	Nguyễn Thị Trí Vy	Đ	Đ	Đ	8,3	8,9	9,9	9,1	6,3	9,5	6,5	8,0	8,1	K	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Nguyễn Hữu Tân

PHẦN GHI KẾT QUẢ

CUỐI NĂM HỌC

TỔNG HỢP CẢ NĂM HỌC

Số TT	Họ và tên	Mức đánh giá		Mức đánh giá sau khi rèn luyện trong kì nghỉ hè; kiểm tra, đánh giá lại		Tổng số buổi nghỉ học	Được lên lớp	Không được lên lớp	Khen thưởng	Tổng hợp chung
		Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập					
1	Phạm Phúc An	T	K			4	Lên lớp			Tổng số học sinh: 45 - Được lên lớp: 45 trong đó 0 học sinh Được lên lớp sau khi học tập, rèn luyện thêm trong hè. - Không được lên lớp: 0 Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên) Nguyễn Hữu Tân Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu) Nguyễn Minh Triều
2	Phan Gia Bảo	T	K				Lên lớp			
3	Phan Thành Bảo	T	K			1	Lên lớp			
4	Hồ Quốc Bình	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
5	Nguyễn Thành Công	T	K			4	Lên lớp			
6	Bùi Quốc Dũng	T	K			3	Lên lớp			
7	Lê Thị Thanh Đào	T	T			1	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
8	Huỳnh Bảo Đạt	T	T			1	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
9	Nguyễn Thành Đạt	T	Đ				Lên lớp			
10	Văn Thành Đạt	T	K				Lên lớp			
11	Trần Thị Hồng Gấm	T	K			3	Lên lớp			
12	Lê Gia Hân	T	K				Lên lớp			
13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	T	K			2	Lên lớp			
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
15	Nguyễn Minh Hậu	T	Đ			1	Lên lớp			
16	Trương Lê Xuân Hoa	T	T			1	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
17	Đoàn Mai Hoàng	T	K				Lên lớp			
18	Nguyễn Võ Đan Huy	T	T			1	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
19	Bùi Nhật Huy	T	K			3	Lên lớp			
20	Huỳnh Văn Huy	T	K			7	Lên lớp			
21	Nguyễn Chánh Quốc Khang	T	T			3	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
22	Huỳnh Nhật Khánh	T	T			1	Lên lớp		Học sinh Giỏi	Nguyễn Minh Triều
23	Lê Đăng Khoa	T	Đ			8	Lên lớp			
24	Nguyễn Tuấn Kiệt	T	K			4	Lên lớp			
25	Nguyễn Thị Thúy Kiều	T	K			2	Lên lớp			
26	Nguyễn Thụy Mỹ Linh	T	T			1	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
27	Phạm Minh Nhân	T	Đ			11	Lên lớp			
28	Nguyễn Trọng Nhân	T	K			1	Lên lớp			
29	Trần Thị Cẩm Nhung	T	K			2	Lên lớp			
30	Bùi Thị Ngọc Nhung	T	K				Lên lớp			
31	Trương Huỳnh Như	T	K			1	Lên lớp			
32	Võ Minh Nhựt	T	K				Lên lớp			
33	Lương Thành Phong	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
34	Phạm Châu Hoàng Phúc	T	K			1	Lên lớp			
35	Nguyễn Hoàng Sơn	T	K				Lên lớp			
36	Nguyễn Văn Thanh	T	K			2	Lên lớp			
37	Nguyễn Nhựt Phúc Thuận	T	K			3	Lên lớp			
38	Bùi Nguyễn Minh Thư	T	K				Lên lớp			
39	Nguyễn Thị Kim Thử	T	K			4	Lên lớp			
40	Lê Thị Bích Tiền	T	K				Lên lớp			
41	Võ Thị Huyền Trang	T	K			5	Lên lớp			
42	Đinh Thái Tú	T	K			1	Lên lớp			
43	Nguyễn Tấn Vàng	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
44	Nguyễn Ngọc An Viên	T	K				Lên lớp			
45	Nguyễn Thị Trí Vy	T	K				Lên lớp			

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG
VỀ SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 9		Nguyễn Minh Triều
Tháng 10		Nguyễn Minh Triều
Tháng 11		Nguyễn Minh Triều
Tháng 12		Nguyễn Minh Triều
Tháng 1		Nguyễn Minh Triều

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG VỀ
SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 2		Nguyễn Minh Triều
Tháng 3		Nguyễn Minh Triều
Tháng 4		Nguyễn Minh Triều
Tháng 5		Nguyễn Minh Triều